



**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**BÁO CÁO QUỐC GIA LẦN THỨ NHẤT**

**VỀ THỰC THI CÔNG ƯỚC CỦA LIÊN HỢP QUỐC VỀ CHỐNG TRA TẤN  
VÀ CÁC HÌNH THỨC ĐỐI XỬ HOẶC TRỪNG PHẠT TÀN BẠO, VÔ NHÂN  
ĐẠO HOẶC HẠ NHỤC CON NGƯỜI**

**Năm 2017**

# PHẦN I

## THÔNG TIN CHUNG

### A. Giới thiệu

1. Ngày 07/11/2013, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký Công ước của Liên hợp quốc về chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người (Công ước).
2. Ngày 28/11/2014, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phê chuẩn Công ước. Việt Nam nộp văn kiện phê chuẩn cho Tổng thư ký Liên hợp quốc ngày 05/02/2015.
3. Thực hiện quy định tại Điều 19 của Công ước, Việt Nam báo cáo kết quả năm đầu tiên triển khai thực hiện Công ước như sau:

### I. Bối cảnh

4. Đề nghị xem Báo cáo quốc gia của Việt Nam theo cơ chế kiểm điểm định kỳ phổ quát chu kỳ II (UPR II) và Cổng thông tin điện tử của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam<sup>1</sup> để có thông tin chi tiết về Việt Nam và tổng quan tình hình bảo đảm các quyền con người ở Việt Nam.

### II. Quá trình xây dựng Báo cáo<sup>2</sup>

5. Việc soạn thảo Báo cáo quốc gia được thực hiện bởi Ban soạn thảo gồm đại diện các bộ, ngành liên quan trực tiếp đến việc bảo vệ, thực hiện và thúc đẩy các quyền con người, trong đó Bộ Công an là cơ quan chủ trì việc soạn thảo; có sự tham gia, đóng góp ý kiến của các cơ quan Chính phủ, chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức nghề nghiệp, tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam, các chuyên gia trong nước, chuyên gia quốc tế và người dân; tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm từ các quốc gia khác và tham khảo nội dung trong các Báo cáo quốc gia như Báo cáo quốc gia của Việt Nam theo cơ chế kiểm điểm định kỳ phổ quát chu kỳ II (UPR II), Báo cáo quốc gia về thực thi Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW), Báo cáo quốc gia về thực thi Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (ICESCR)... Dự thảo Báo cáo đã được đăng công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công an để lấy ý kiến trong Nhân dân từ tháng 12/2016<sup>3</sup>.

---

<sup>1</sup> Website: [www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn)

<sup>2</sup> Xem thêm Phụ lục 7

<sup>3</sup> Xem Cổng thông tin điện tử Bộ Công an Việt Nam: <http://mps.gov.vn/web/guest/duthao/-/vlegaldraftview/FGcc/2/4074418>

## **B. Khuôn khổ pháp lý chung về bảo vệ quyền con người, chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người**

### **I. Khuôn khổ pháp lý chung**

6. Chương II Hiến pháp năm 2013 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có 36 điều quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, trong đó có quyền bình đẳng trước pháp luật, không bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội, quyền sống, quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm, không bị tra tấn...

7. Quyền không bị tra tấn hoặc đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người đã được quy định tại khoản 1 Điều 20 Hiến pháp năm 2013, theo đó: “Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm”.

8. Quyền không bị tra tấn hoặc đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người cũng được quy định trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực hình sự, hành chính, dân sự... Đặc biệt, trong năm 2015, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua nhiều văn bản quy phạm pháp luật<sup>4</sup> với nhiều nội dung mới hoặc nội dung sửa đổi, bổ sung theo hướng tiến bộ hơn; chú trọng việc nội luật hóa các quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, trong đó có Công ước.

9. Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) quy định hành vi có tính chất tra tấn là hành vi phạm tội và có thể bị xử lý theo các tội danh khác nhau<sup>5</sup>.

10. Theo tinh thần của Công ước, Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung tội bức cung (Điều 374); tội dùng nhục hình (Điều 373); tội mua chuộc hoặc cưỡng ép người khác trong việc khai báo, cung cấp tài liệu (Điều 384); đồng thời, tiếp tục quy định một số tội danh liên quan đến hành vi tra tấn tương tự như trong Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

11. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 nghiêm cấm mọi hình thức truy bức, nhục hình (Điều 6); công dân có quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe,

---

<sup>4</sup> Xem thêm Phụ lục 1

<sup>5</sup> Xem thêm đoạn 42

danh dự, nhân phẩm; mọi hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm đều bị xử lý theo pháp luật (Điều 7).

12. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định các nguyên tắc: nghiêm cấm tra tấn, bức cung, dùng nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, tính mạng, sức khỏe con người (Điều 10); bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của cá nhân (Điều 11).

13. Luật thi hành án hình sự năm 2010 quy định các nguyên tắc: tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; bảo đảm nhân đạo xã hội chủ nghĩa; tôn trọng nhân phẩm, quyền, lợi ích hợp pháp của người chấp hành án (Điều 4); cấm nhận hối lộ, sách nhiễu trong thi hành án hình sự; cản trở người chấp hành án thực hiện quyền được đề nghị miễn, giảm thời hạn chấp hành án (Điều 9)...

14. Luật thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 quy định về việc cấm tra tấn, truy bức, dùng nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ, người bị tạm giam (các điều 4 và 8).

15. Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015 quy định nghiêm cấm bức cung, dùng nhục hình và các hình thức tra tấn hoặc đối xử, trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo, hạ nhục con người hay bất kỳ hình thức nào khác xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân (Điều 14).

16. Luật khiếu nại năm 2011 bảo đảm quyền được khiếu nại và giải quyết khiếu nại cho mọi cá nhân, tổ chức, trong đó có nạn nhân bị tra tấn; cấm cản trở, gây phiền hà cho người thực hiện quyền khiếu nại; đe dọa, trả thù, trù dập người khiếu nại (các điều 1 và 6).

17. Luật tố cáo năm 2011 quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ và của cơ quan, tổ chức, cá nhân về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực; bảo vệ người tố cáo và quản lý công tác giải quyết tố cáo (các điều 1, 4, 5, 8).

18. Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 (Điều 33), Luật tổ chức Chính phủ năm 2015 (Điều 21), Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 (khoản 1 Điều 2), Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 (khoản 2 Điều 2, điểm b khoản 2 Điều 3, điểm b khoản 2 Điều 4), Luật Công an nhân dân năm 2014 (khoản 2 Điều 15), Luật sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam năm 1999 (Điều 26), Luật an ninh quốc gia năm 2004 (khoản 6 Điều 13), Luật quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng năm 2015 (Điều 7)<sup>6</sup>... đều quy định trách

---

<sup>6</sup> Xem thêm Phụ lục 4

nhiệm của các cơ quan và cá nhân trong bảo vệ quyền con người.

19. Việc bảo vệ quyền con người, quyền không bị tra tấn còn được quy định trong Bộ luật lao động năm 2012, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Luật phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007, Luật bình đẳng giới năm 2006, Luật báo chí năm 2016, Luật công đoàn năm 2012, Luật quốc tịch năm 2008, Luật trợ giúp pháp lý năm 2006, Luật khám bệnh, chữa bệnh năm 2009, Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004, Luật giáo dục năm 2005, Luật phổ cập giáo dục tiểu học năm 1991, Luật cán bộ, công chức năm 2008, Luật viên chức năm 2010 và Luật tiếp cận thông tin năm 2016<sup>7</sup>...

20. Việt Nam đã trở thành thành viên của 7/9 công ước cơ bản về quyền con người và một số nghị định thư của các công ước này. Việt Nam cũng tham gia nhiều công ước quốc tế khác liên quan đến việc bảo vệ quyền con người và luật nhân đạo quốc tế<sup>8</sup> và đang tiếp tục nghiên cứu khả năng tham gia Công ước quốc tế về bảo vệ tất cả mọi người khỏi bị cưỡng bức mất tích (CPED), Công ước về quyền của người lao động di cư và thành viên gia đình họ (ICRMW), Công ước về quy chế của người tị nạn (CSR), Công ước về người không có quốc tịch (CSSP).

## **II. Việc áp dụng các điều ước quốc tế và vị trí của điều ước quốc tế trong hệ thống pháp luật Việt Nam**

21. Về vị trí của điều ước quốc tế: theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật điều ước quốc tế năm 2016 và khoản 5 Điều 156 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 thì trường hợp văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó, trừ Hiến pháp.

22. Về cách thức áp dụng: theo khoản 2 Điều 6 Luật điều ước quốc tế năm 2016, Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ khi quyết định chấp nhận sự ràng buộc của điều ước quốc tế đồng thời quyết định cách áp dụng điều ước quốc tế (trực tiếp áp dụng hoặc gián tiếp áp dụng thông qua hoạt động nội luật hóa).

23. Phù hợp với quy tắc trên, các quy định của Công ước không thuộc loại điều ước quốc tế áp dụng trực tiếp. Điều 3 Nghị quyết số 83/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phê chuẩn Công ước chống tra tấn nêu rõ: “Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xây dựng, hoàn thiện pháp luật để phù hợp với các quy định của Công ước chống tra tấn”. Như vậy, Việt Nam sẽ thực hiện nội luật hóa các quy định của Công ước,

---

<sup>7</sup> Xem thêm Phụ lục 4

<sup>8</sup> Xem thêm Phụ lục 8

đặc biệt là việc hình sự hóa hành vi tra tấn và sửa đổi, bổ sung các quy định về điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án phạt tù, khiếu nại, tố cáo, dẫn độ, quản lý xuất nhập cảnh, trục xuất, trao trả...

### **C. Các cơ quan có thẩm quyền thực thi, theo dõi tình hình thực thi Công ước**

#### **I. Hệ thống cơ quan nhà nước**

24. Các cơ quan trong hệ thống tổ chức bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đều trực tiếp hoặc gián tiếp có trách nhiệm triển khai thực hiện Công ước, cụ thể:

25. - Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, lập pháp và giám sát tối cao các hoạt động của Nhà nước (Điều 69 Hiến pháp năm 2013), trong đó có xây dựng, sửa đổi, ban hành và giám sát việc thực hiện các đạo luật có quy định về cấm tra tấn và các hình thức đối xử, trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người.

26. - Chính phủ thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội (Điều 94 Hiến pháp năm 2013); có trách nhiệm triển khai thực hiện Công ước từ trung ương đến địa phương, bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền con người, chống oan, sai trong quá trình thực thi công vụ. Chính phủ gồm 18 bộ, 04 cơ quan ngang bộ và 08 cơ quan thuộc Chính phủ, trong đó các cơ quan có trách nhiệm chính trong việc triển khai Công ước là: Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Bộ Thông tin và Truyền thông<sup>9</sup>...

27. - Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử và thực hiện quyền tư pháp. Tòa án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân (Điều 102 Hiến pháp năm 2013). Hệ thống Tòa án nhân dân gồm 04 cấp: Tòa án nhân dân tối cao, 03 tòa án nhân dân cấp cao, 63 tòa án nhân dân cấp tỉnh, 710 tòa án nhân dân cấp huyện, 01 tòa án quân sự trung ương, 09 tòa án quân sự cấp quân khu, 17 tòa án quân sự cấp khu vực. Căn cứ Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 và Thông tư số 01/2016/TT-CA ngày 21/01/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định việc tổ chức các tòa án chuyên trách tại Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương, Tòa gia đình và người chưa thành niên đã được tổ chức trong hệ thống Tòa án Việt Nam tại Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (năm 2016).

28. - Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan thực hành quyền công tố, kiểm sát các

---

<sup>9</sup> Xem thêm Phụ lục số 6

hoạt động tư pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có nhiệm vụ bảo vệ Hiến pháp và pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất (Điều 107 Hiến pháp năm 2013). Hệ thống Viện kiểm sát nhân dân gồm 04 cấp: Viện kiểm sát nhân dân tối cao, 03 viện kiểm sát nhân dân cấp cao, 63 viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, 710 Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện; 01 viện kiểm sát quân sự trung ương, 11 viện kiểm sát quân sự quân khu và tương đương, 28 viện kiểm sát quân sự khu vực<sup>10</sup>.

## **II. Các cơ quan chuyên biệt**

### **Hệ thống cơ quan điều tra**

29. - Theo quy định của Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự 2004 (sửa đổi, bổ sung các năm 2006, 2009), hệ thống Cơ quan điều tra gồm: Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân, Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân và Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao<sup>11</sup>.

+ Cơ quan điều tra tiến hành điều tra tất cả các tội phạm, áp dụng mọi biện pháp do Bộ luật tố tụng hình sự quy định để xác định tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội, lập hồ sơ, đề nghị truy tố; tìm ra nguyên nhân, điều kiện phạm tội và yêu cầu các cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp khắc phục và ngăn ngừa.

+ Các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra gồm có: Bộ đội Biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển, các cơ quan khác của Công an nhân dân, Quân đội nhân dân theo quy định của pháp luật<sup>12</sup>.

30. - Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự 2015 giữ nguyên hệ thống tổ chức cơ quan điều tra và quy định rõ hơn về nhiệm vụ, quyền hạn như tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, tiếp nhận hồ sơ vụ án do cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra chuyển giao...; bổ sung Kiểm ngư là cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

### **Hệ thống cơ quan quản lý và thi hành án hình sự**

31. Luật thi hành án hình sự 2010<sup>13</sup> quy định hệ thống tổ chức thi hành án hình sự như sau:

---

<sup>10</sup> Số liệu tính đến tháng 6/2016

<sup>11</sup> Xem thêm Phụ lục 14

<sup>12</sup> Xem thêm Phụ lục 14

<sup>13</sup> Xem thêm Phụ lục 14

- Cơ quan quản lý thi hành án hình sự, gồm: Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng.
- Cơ quan thi hành án hình sự, gồm: trại giam thuộc Bộ Công an, trại giam thuộc Bộ Quốc phòng, trại giam thuộc quân khu; cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh; cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện; cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu.
- Cơ quan được giao một số nhiệm vụ thi hành án hình sự, gồm: trại tạm giam thuộc Bộ Công an, trại tạm giam thuộc Bộ Quốc phòng, trại tạm giam thuộc Công an cấp tỉnh, trại tạm giam cấp quân khu; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; đơn vị quân đội cấp trung đoàn và tương đương.

### **Hệ thống cơ quan quản lý và thi hành tạm giữ, tạm giam**

32. Luật thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 quy định hai hệ thống cơ quan gồm cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cơ quan thi hành tạm giữ, tạm giam.

- Hệ thống tổ chức cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam gồm:

+ Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam trong Công an nhân dân: cơ quan quản lý thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp thuộc Bộ Công an; cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh; cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện.

+ Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam trong Quân đội nhân dân: cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng; cơ quan thi hành án hình sự quân khu và tương đương; Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh.

- Hệ thống tổ chức cơ quan thi hành tạm giữ, tạm giam: trại tạm giam thuộc Bộ Công an; trại tạm giam thuộc Bộ Quốc phòng; trại tạm giam Công an cấp tỉnh; trại tạm giam thuộc quân khu và tương đương; nhà tạm giữ Công an cấp huyện; nhà tạm giữ cơ quan điều tra hình sự khu vực trong Quân đội nhân dân; buồng tạm giữ của Đoàn biên phòng ở biên giới, hải đảo xa trung tâm hành chính cấp huyện.

### **III. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức, cá nhân**

33. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác có trách nhiệm đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện xã hội (Điều 9 Hiến pháp năm 2013)<sup>14</sup>.

<sup>14</sup> Xem thêm Phụ lục 5



34. Các tổ chức, cá nhân có quyền tham gia hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật và thực thi Công ước. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tạo điều kiện và khuyến khích sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật. Căn cứ vào điều kiện cụ thể của công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp huy động Hội luật gia Việt Nam, Liên đoàn luật sư Việt Nam và các đoàn luật sư, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các hội xã hội, nghề nghiệp, tổ chức nghiên cứu, đào tạo, chuyên gia, nhà khoa học có đủ điều kiện tham gia hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo cơ chế cộng tác viên (Điều 6 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật).

#### **D. Một số khó khăn, vướng mắc trong thực thi Công ước**

35. Những thành tựu mà Việt Nam đạt được trong hơn 70 năm xây dựng và phát triển đất nước, đặc biệt trong lĩnh vực bảo vệ quyền con người cùng với tình hình chính trị ổn định và những chính sách, định hướng phát triển kinh tế, xã hội phù hợp là tiền đề và thuận lợi cho Việt Nam trong quá trình triển khai, thực thi Công ước. Tuy nhiên, Bên cạnh những nỗ lực đã thực hiện và những thành tựu đã đạt được, Việt Nam vẫn còn một số khó khăn cần khắc phục để thực thi có hiệu quả Công ước trong thời gia tới, cụ thể:

36. Hệ thống văn bản pháp luật về quyền con người chưa thật đồng bộ.

37. Nguồn lực để thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, bảo đảm tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội, bảo vệ môi trường, giảm thiểu khác biệt giữa các vùng, miền còn hạn chế.

38. Công ước chống tra tấn là công ước về quyền con người có nội dung liên quan đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, có nhiều nội dung khó, phức tạp. Vì vậy, việc triển khai Công ước phải tiến hành theo từng giai đoạn, phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế của Việt Nam. Việc phổ biến, tuyên truyền Công ước đến toàn thể cán bộ, Nhân dân cũng phải được thực hiện thường xuyên, liên tục theo hướng dễ hiểu, dễ tiếp thu. Đối với các cán bộ công chức thì phải thường xuyên hướng dẫn, bồi dưỡng pháp luật và nghiệp vụ để nâng cao năng lực và trình độ cho họ để tránh việc lạm quyền có thể xảy ra.

39. Trình độ pháp luật, nghiệp vụ của nhân viên công vụ chưa đồng đều nên họ có thể hiểu chưa đúng, chưa đầy đủ về các nghĩa vụ và trách nhiệm của cá nhân. Vì vậy, việc cá nhân lạm quyền trong khi thực thi công vụ vẫn có thể xảy ra. Điều này cũng gây khó khăn nhất định cho các cơ quan có thẩm quyền trong

việc quản lý và đào tạo cán bộ.

40. Ở một số địa phương, đời sống kinh tế và trình độ dân trí của người dân chưa cao hoặc những vùng có đông người dân tộc thiểu số sinh sống thì việc tuyên truyền, phổ biến nội dung của Công ước và pháp luật Việt Nam có liên quan còn gặp nhiều khó khăn do có sự khác biệt về phong tục, văn hóa, vấn đề chuyển tải tinh thần của pháp luật sang các ngôn ngữ của dân tộc thiểu số...

## PHẦN II

### CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

#### Về thực hiện Điều 1

*Khái niệm “tra tấn” trong pháp luật Việt Nam*

41. Thuật ngữ “tra tấn” và quy định về cấm tra tấn được quy định trong Hiến pháp năm 2013 (Điều 20), Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (Điều 10), Luật thi hành tạm giữ, tạm giam 2015 (các điều 4, 8), Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự 2015 (Điều 14).

42. Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) không quy định tội danh riêng và không đưa ra khái niệm “tra tấn”. Tuy nhiên, mọi hành vi có tính chất tra tấn được xác định là hành vi phạm tội, được quy định trong tội dùng nhục hình (Điều 298), tội bức cung (Điều 299), tội mua chuộc hoặc cưỡng ép người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật (Điều 309). Hành vi có tính chất tra tấn còn có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo các tội như: tội giết người (Điều 93); tội làm chết người trong khi thi hành công vụ (Điều 97); tội bức tử (Điều 100); tội đe dọa giết người (Điều 103); tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong khi thi hành công vụ (Điều 107); tội hành hạ người khác (Điều 110); tội làm nhục người khác (Điều 121); tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật (Điều 123); tội làm nhục, hành hung người chỉ huy hoặc cấp trên (Điều 319); tội làm nhục hoặc dùng nhục hình đối với cấp dưới (Điều 320); tội làm nhục, hành hung đồng đội (Điều 321); tội ngược đãi tù binh, hàng binh (Điều 340).

43. Bộ luật hình sự năm 2015 đã mở rộng chủ thể, hành vi và tăng mức hình phạt đối với các hành vi có liên quan đến tra tấn phù hợp hơn với khái niệm về tra tấn được quy định trong Công ước và điều kiện thực tế của Việt Nam, đặc biệt là tại các điều: Điều 373 (tội dùng nhục hình), Điều 374 (tội bức cung) và Điều 384 (tội mua chuộc hoặc cưỡng ép người khác trong việc khai báo, cung cấp tài liệu).

44. Một điểm mới trong pháp luật Việt Nam có thể được lưu ý để áp dụng khi xử lý vụ việc liên quan đến tra tấn đó là Việt Nam đã cho phép lựa chọn và áp dụng án lệ trong xét xử<sup>15</sup>. Việc áp dụng án lệ ở Việt Nam là một bước tiến mới, góp phần áp dụng thống nhất, linh hoạt pháp luật, đặc biệt là trong lĩnh vực có thể có cách hiểu khác nhau như pháp luật về quyền con người và pháp luật liên quan đến tra tấn. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Quyết định số

---

<sup>15</sup> Xem thêm Phụ lục 1

220/QĐ-CA ngày 06/4/2016 và Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 về việc công bố án lệ.

*Các văn kiện quốc tế có hiệu lực với Việt Nam hoặc các văn bản trong nước có thể có quy định áp dụng “rộng hơn” khái niệm tra tấn của Công ước.*

45. Việt Nam đã gia nhập nhiều văn kiện quốc tế về quyền con người (là thành viên của 7/9 điều ước quốc tế cơ bản về quyền con người), trong đó các văn kiện quốc tế có quy định về cấm tra tấn là: Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền năm 1948, Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966, Công ước về quyền trẻ em năm 1989, Công ước về quyền của người khuyết tật năm 2006<sup>16</sup>. Tuy nhiên, chưa có điều ước nào có quy định khái niệm tra tấn có nội hàm rộng hơn Công ước.

## **Về thực hiện Điều 2**

*Khoản 1: Các biện pháp phòng ngừa các hành vi tra tấn*

*Các biện pháp lập pháp*

46. Để phòng ngừa hành vi tra tấn, Việt Nam thực hiện các biện pháp lập pháp như sau: (i) Quy định quyền không bị tra tấn trong Hiến pháp (Điều 20 Hiến pháp năm 2013); (ii) Thực hiện cụ thể hóa quy định về cấm tra tấn tại Điều 20 Hiến pháp năm 2013 và nội luật hóa nội dung của Công ước chống tra tấn vào hệ thống pháp luật hình sự, tố tụng hình sự, thi hành án hình sự, tổ chức điều tra hình sự, hành chính... và các văn bản pháp luật về bảo vệ quyền con người<sup>17</sup>; (iii) Tiếp tục nghiên cứu, tham gia các điều ước khác về quyền con người<sup>18</sup> và (iv) Quy định nhiều biện pháp mới nhằm phòng ngừa hành vi phạm tội của nhân viên công vụ, trong đó có hành vi tra tấn.

47. Quá trình hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự, tố tụng hình sự, thi hành án hình sự, tổ chức điều tra hình sự, hành chính... Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã bổ sung nhiều quy định mới để phòng ngừa hành vi vi phạm pháp luật của nhân viên công vụ như: Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định về ghi âm, ghi hình có âm thanh trong hỏi cung bị can (Điều 183) và có thể ghi âm, ghi hình có âm thanh khi tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố (Điều 146), lấy lời khai (các điều 187, 188, 442), đối chất (Điều 189), xét xử (Điều 258); quy định về quyền trình bày lời khai, trình bày ý kiến, không buộc người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân

<sup>16</sup> Xem thêm Phụ lục 8

<sup>17</sup> Xem các đoạn từ 6 đến 19, từ 83 đến 90

<sup>18</sup> Xem đoạn 20

phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội (các điều 58, 59, 60, 61, 435); quy định người bào chữa có quyền tham gia từ thời điểm người bị bắt, có mặt trong các hoạt động đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói, đề nghị tiến hành các hoạt động tố tụng theo luật định (các điều 73, 80)<sup>19</sup>.

48. Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định cụ thể về 35 chức danh có thẩm quyền quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính và nơi tạm giữ người theo thủ tục hành chính.

#### *Các biện pháp hành chính*

49. Triển khai thi hành Công ước được thực hiện đồng thời với việc thực hiện chiến lược cải cách tư pháp và đẩy mạnh cải cách hành chính ở Việt Nam. Vì vậy, Việt Nam đã triển khai nhiều biện pháp đơn giản hóa thủ tục hành chính nhằm loại bỏ các điều kiện để cán bộ có thể lạm dụng công vụ gây bất lợi cho người dân<sup>20</sup>, ví dụ như thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia công khai các thủ tục hành chính, thiết lập hệ thống phản ánh kiến nghị qua đường dây nóng, ứng dụng công nghệ thông tin, giao dịch trực tuyến tránh tình trạng người dân tiếp xúc trực tiếp với cán bộ...

50. Các bộ, ban, ngành đều ban hành quy định về quy tắc đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm của cán bộ, công chức, những điều cán bộ, công chức không được làm để nâng cao tinh thần trách nhiệm, xây dựng các chuẩn mực đạo đức của những người đại diện cho công quyền.

#### *Các biện pháp tư pháp hoặc những biện pháp khác*

51. Căn cứ vào đối tượng bị áp dụng và ý nghĩa thay thế hình phạt, các biện pháp tư pháp được chia thành hai nhóm: (i) Nhóm thứ nhất, các biện pháp chung áp dụng đối với mọi người phạm tội và chỉ nhằm hỗ trợ hình phạt được quy định tại các điều 41, 42 và 43 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), gồm: tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm; trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi; bắt buộc chữa bệnh; (ii) Nhóm thứ hai, các biện pháp tư pháp thay thế hình phạt chỉ áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội, được quy định tại Điều 70 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), gồm: giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng.

52. Để kịp thời ngăn chặn tội phạm hoặc khi có căn cứ chứng tỏ người bị buộc

---

<sup>19</sup> Xem thêm đoạn 148, 149

<sup>20</sup> Xem thêm Phụ lục 10

tội sẽ gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc sẽ tiếp tục phạm tội hoặc để bảo đảm thi hành án, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong phạm vi thẩm quyền của mình có thể áp dụng các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm (Chương VI Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003). Quy định này được sửa đổi, bổ sung tại Chương VII Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 gồm: giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam, bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm, cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh... Bên cạnh đó, Chương XXXVI Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 cũng quy định các biện pháp ngăn chặn để bảo đảm xem xét yêu cầu dẫn độ hoặc thi hành quyết định dẫn độ (Điều 502).

53. Theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, người ra lệnh bắt, Cơ quan điều tra nhận người bị bắt phải thông báo ngay cho gia đình người đã bị bắt, chính quyền xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó cư trú hoặc làm việc biết. Nếu thông báo cản trở việc điều tra thì sau khi cản trở đó không còn nữa, người ra lệnh bắt, Cơ quan điều tra nhận người bị bắt phải thông báo ngay (Điều 85).

54. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 có nhiều quy định mới tiến bộ hơn Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về các biện pháp ngăn chặn và các biện pháp khác như: sau khi giữ người, bắt người, nhận người bị giữ, bị bắt, cơ quan, người có thẩm quyền phải thông báo ngay cho gia đình người bị giữ, bị bắt, chính quyền xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập biết; trường hợp người bị giữ, người bị bắt là công dân nước ngoài thì phải thông báo cho Cơ quan ngoại giao của Việt Nam để thông báo cho Cơ quan đại diện ngoại giao của nước có công dân bị giữ, bị bắt. Nếu việc thông báo cản trở truy bắt đối tượng khác hoặc cản trở điều tra thì sau khi cản trở đó không còn, người ra lệnh giữ người, lệnh hoặc quyết định bắt người, Cơ quan điều tra nhận người bị giữ, người bị bắt phải thông báo ngay (Điều 116). Khi tạm giam bị can, Cơ quan điều tra có trách nhiệm phải kiểm tra căn cước của người bị tạm giam và thông báo ngay cho gia đình người bị tạm giam, chính quyền xã, phường, thị trấn nơi người bị tạm giam cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người bị tạm giam làm việc, học tập biết (Điều 119). Người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang và người bị bắt theo quyết định truy nã có quyền yêu cầu người bào chữa tham gia ngay từ khi bắt đầu quá trình tố tụng để bảo đảm quyền lợi, trong đó có quyền không bị bức cung, dùng nhục hình (Điều 74).

55. Thời hạn tạm giữ không quá 03 ngày, trong trường hợp cần thiết có thể được

gia hạn nhưng không quá 03 ngày và trong trường hợp đặc biệt, có thể gia hạn tạm giữ lần thứ hai nhưng không quá 03 ngày. Mọi trường hợp gia hạn tạm giữ đều phải được Viện kiểm sát phê chuẩn. Trong khi tạm giữ, nếu không đủ căn cứ khởi tố bị can thì phải trả tự do ngay cho người bị tạm giữ. Thời gian tạm giữ được trừ vào thời hạn tạm giam. Một ngày tạm giữ được tính bằng một ngày tạm giam (Điều 87 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 và Điều 118 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015).

56. Thời hạn tạm giam bị can để điều tra không quá 02 tháng đối với tội phạm ít nghiêm trọng, không quá 03 tháng đối với tội phạm nghiêm trọng, không quá 04 tháng đối với tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Việc gia hạn tạm giam được thực hiện theo quy định của pháp luật (Điều 120 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 và Điều 173 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015). Điểm tiến bộ của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 so với Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 là số lần gia hạn tạm giam giảm từ 2 lần xuống còn 1 lần đối với tội phạm nghiêm trọng và rất nghiêm trọng, giảm từ 3 lần xuống còn 2 lần đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, làm giảm tổng số thời gian mà bị can có thể bị tạm giam. Đây là một bước tiến trong bảo đảm quyền con người của bị can của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam.

57. Nghị định số 89/1998/NĐ-CP ngày 07/11/1998 của Chính phủ ban hành Quy chế về tạm giữ, tạm giam và Nghị định số 98/2002/NĐ-CP ngày 27/11/2002 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tạm giữ, tạm giam ban hành kèm theo Nghị định số 89/1998/NĐ-CP quy định:

- Khi tiếp nhận người bị tạm giữ, tạm giam thì trưởng nhà tạm giữ, giám thị trại tạm giam phải xem xét quyết định tạm giữ, lệnh tạm giam, lệnh truy nã và các tài liệu, thủ tục cần thiết khác để bảo đảm giam giữ đúng người, đúng pháp luật; lập biên bản giao nhận hồ sơ và giao nhận người bị tạm giữ, tạm giam, đồng thời xác định tình trạng sức khỏe của họ; lập danh chỉ bản, chụp ảnh và vào sổ theo dõi danh sách người bị tạm giữ, tạm giam; phổ biến nội quy nhà tạm giữ, trại tạm giam cho người bị tạm giữ, tạm giam, kiểm tra thân thể và đồ vật mang theo của họ trước khi đưa họ vào buồng giam, giữ. Việc kiểm tra thân thể người bị tạm giữ, tạm giam là nam giới do cán bộ nam thực hiện, là nữ giới do cán bộ nữ thực hiện và được tiến hành ở phòng kín (Điều 16).

- Việc giam, giữ bố trí theo khu vực và phân loại như sau: phụ nữ; người chưa thành niên; người nước ngoài; người có bệnh truyền nhiễm nguy hiểm... Người nước ngoài bị tạm giữ, tạm giam có thể được giam, giữ ở buồng riêng trong nhà tạm giữ, trại tạm giam (Điều 15).

- Chế độ ăn, ở, chăm sóc y tế, sinh hoạt, thăm gặp... của người bị tạm giữ, tạm giam cũng được quy định cụ thể<sup>21</sup>.

58. Luật thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 có một số quy định về tạm giữ, tạm giam tiến bộ hơn trước đây như:

- Người bị tạm giữ, người bị tạm giam được bố trí theo khu và phân loại như sau: (i) Người bị tạm giữ; người bị tạm giam; người dưới 18 tuổi; phụ nữ; người nước ngoài; người thực hiện hành vi phạm tội có tính chất côn đồ; giết người; cướp tài sản thuộc loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng; tái phạm nguy hiểm; người phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia; người đang chờ chấp hành án phạt tù; người thường xuyên vi phạm nội quy của cơ sở giam giữ; (ii) Người mắc bệnh truyền nhiễm nhóm A; người bị kết án tử hình; người có dấu hiệu mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình nhưng chưa được giám định, đang chờ kết quả giám định hoặc đang chờ đưa đi cơ sở bắt buộc chữa bệnh.

- Người bị tạm giữ, người bị tạm giam là người đồng tính, người chuyển giới; phụ nữ có thai hoặc có con dưới 36 tháng tuổi ở cùng; người mắc bệnh truyền nhiễm nhóm A; người bị kết án tử hình; người có dấu hiệu mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình nhưng chưa được giám định, đang chờ kết quả giám định hoặc đang chờ đưa đi cơ sở bắt buộc chữa bệnh có thể được bố trí giam giữ ở buồng riêng.

- Luật đã dành một chương (Chương V) quy định về chế độ của người bị tạm giữ, người bị tạm giam là người dưới 18 tuổi, phụ nữ có thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

#### *Hiệu quả của các biện pháp phòng ngừa tra tấn*

59. Ngay khi chưa tham gia Công ước, Việt Nam đã coi trọng và bảo vệ các giá trị về quyền con người thông qua việc ban hành chính sách, pháp luật và triển khai thực hiện trên thực tế. Việc tham gia Công ước là một trong những bước tiến quan trọng của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tiếp nối quá trình xây dựng, hoàn thiện các chế độ, chính sách và thực hiện bảo vệ quyền con người, trong đó có quyền không bị tra tấn và là một cơ hội để các cơ quan có thẩm quyền triển khai một cách đồng bộ các biện pháp ngăn chặn, đấu tranh chống hành vi tra tấn xảy ra trên lãnh thổ quốc gia. Tính hiệu quả của các biện pháp này có thể được ghi nhận như sau:

- Ngay từ khi nghiên cứu tham gia Công ước, Ban soạn thảo Bộ luật hình sự, Bộ

---

<sup>21</sup> Xem thêm đoạn 158



luật tố tụng hình sự, Luật thi hành tam giữ, tạm giam... đã tổ chức nghiên cứu và đề xuất việc nội luật hoá các yêu cầu của Công ước và đã được thể hiện trong quy định của các luật được ban hành năm 2015. Như vậy, Việt Nam đã nội luật hoá các quy định của Công ước ngay trong năm đầu tiên trở thành thành viên Công ước.

- Việt Nam đã xây dựng kế hoạch và thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến nội dung của Công ước và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan trên quy mô toàn quốc. Các ngành, các cấp khác nhau từ Trung ương đến địa phương đều xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Công ước<sup>22</sup>.

- Ở Việt Nam, tội phạm có tính chất tra tấn không phải là tội phạm phổ biến, chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong tổng số các tội phạm. Từ năm 2011 đến 2015, Tòa án nhân dân đã thụ lý và xét xử sơ thẩm 10 vụ án về tội dùng nhục hình, không có vụ án nào về tội bức cung và tội mua chuộc hoặc cưỡng ép người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật, cụ thể là: năm 2010 và 2011 là 0 vụ; năm 2012 là 4 vụ, chiếm 0,0061% tổng số vụ được xét xử sơ thẩm; năm 2013 là 01 vụ, chiếm 0,003% số vụ được xét xử sơ thẩm; năm 2014 là 03 vụ, chiếm 0,0045% tổng số vụ án được xét xử sơ thẩm; năm 2015 là 02 vụ, chiếm 0,0033% tổng số vụ án được xét xử sơ thẩm.

## **Khoản 2**

*Các quy định của pháp luật bảo đảm quyền không bị tra tấn không bị vi phạm ngay cả trong tình trạng khẩn cấp hoặc chống khủng bố*

60. Theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013, quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.

61. Luật phòng, chống khủng bố năm 2013 quy định hoạt động phòng, chống khủng bố phải tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; bảo đảm an toàn, tính mạng, sức khỏe con người (Điều 4); nghiêm cấm lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong phòng, chống khủng bố để xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân (Điều 6); việc điều tra, truy tố, xét xử tội phạm khủng bố, tội phạm tài trợ khủng bố được thực hiện theo quy định của Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự và các quy định khác của pháp luật có liên quan (Điều 9).

62. Khoản 6 Điều 2 Nghị định số 71/2002/NĐ-CP ngày 23/7/2002 của Chính

---

<sup>22</sup> Xem thêm Phụ lục 13

phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh tình trạng khẩn cấp trong trường hợp có thảm họa lớn, dịch bệnh nguy hiểm nghiêm cấm việc lợi dụng tình trạng khẩn cấp để xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân.

63. Trong các quy định của pháp luật Việt Nam trong mọi trường hợp, kể cả trong tình trạng khẩn cấp và chống khủng bố thì các quyền con người cơ bản, trong đó có quyền không bị tra tấn cũng được bảo đảm và mọi hoạt động của các cơ quan nhà nước trong tình trạng khẩn cấp hay khủng bố đều phải tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan về bảo đảm quyền con người.

### **Khoản 3**

*Các quy định có liên quan đến thực hiện mệnh lệnh của cấp trên trong các cơ quan công quyền*

64. Điều 30 Luật Công an nhân dân năm 2014 quy định sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân có trách nhiệm nghiêm chỉnh chấp hành chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên. Tuy nhiên, Luật cũng quy định, khi nhận mệnh lệnh của người chỉ huy, nếu có căn cứ cho là mệnh lệnh đó trái pháp luật thì phải báo cáo ngay với người ra mệnh lệnh; trong trường hợp vẫn phải chấp hành mệnh lệnh thì báo cáo kịp thời lên cấp trên trực tiếp của người ra mệnh lệnh và không phải chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành mệnh lệnh đó.

65. Khoản 3 Điều 27 Luật sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam năm 1999 (sửa đổi, bổ sung các năm 2008 và 2014) cũng quy định nguyên tắc nêu trên.

66. Luật cán bộ, công chức năm 2008 (khoản 6 Điều 9) quy định cán bộ, công chức có nghĩa vụ chấp hành quyết định của cấp trên. Khi có căn cứ cho rằng quyết định đó là trái pháp luật thì phải kịp thời báo cáo bằng văn bản với người ra quyết định; trường hợp người ra quyết định vẫn quyết định việc thi hành thì phải có văn bản và người thi hành phải chấp hành nhưng không chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành, đồng thời báo cáo cấp trên trực tiếp của người ra quyết định. Người ra quyết định phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

67. Quy định của Việt Nam về trường hợp này vẫn chưa hoàn toàn đáp ứng yêu cầu của Công ước. Tuy nhiên, đến nay Việt Nam chưa ghi nhận bất kỳ trường hợp nào vi phạm dẫn “thực hiện mệnh lệnh cấp trên” để biện minh cho hành vi tra tấn.

### **Về thực hiện Điều 3**

#### ***Về trục xuất***

68. Trục xuất là hình phạt chính hoặc hình phạt bổ sung được quy định tại

Điều 28 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và Điều 32 Bộ luật hình sự năm 2015 hoặc là một hình thức xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 27 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

69. Buộc xuất cảnh là một biện pháp quy định tại khoản 8 Điều 3 Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014. Người nước ngoài có thể bị buộc xuất cảnh trong trường hợp: hết thời hạn tạm trú nhưng không tự xuất cảnh hoặc vì lý do quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội (khoản 1 Điều 30). Từ khi Luật này có hiệu lực (01/01/2015) đến nay, Việt Nam chưa thực hiện buộc xuất cảnh trường hợp nào.

70. Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định chi tiết về trình tự, thủ tục, thẩm quyền trong trục xuất người theo thủ tục hành chính.

71. Luật thi hành án hình sự năm 2010 quy định chi tiết về nguyên tắc, trình tự, thủ tục, tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan có thẩm quyền trong thi hành án phạt trục xuất; quyền, nghĩa vụ của người bị áp dụng án phạt trục xuất; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong thi hành án phạt trục xuất.

72. Thông tư liên tịch số 07/2011/TTLT-BCA-BQP-BNG ngày 16/11/2011 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao hướng dẫn về việc thi hành hình phạt trục xuất, quy định hình phạt trục xuất được áp dụng đối với người nước ngoài phạm tội, buộc người đó trong thời hạn nhất định phải rời khỏi lãnh thổ Việt Nam. Hình phạt trục xuất có thể được áp dụng với người nước ngoài phạm tội được quy định trong Bộ luật hình sự. Tùy từng trường hợp cụ thể, trên cơ sở cân nhắc tất cả các tình tiết của vụ án, nếu thấy áp dụng hình phạt trục xuất là cần thiết, có thể đạt được mục đích của hình phạt, Tòa án có thể áp dụng hình phạt trục xuất đối với người phạm tội.

73. Từ năm 2011 đến nay, Bộ Công an Việt Nam đã thực hiện trục xuất hình sự 54 người theo quyết định của Tòa án; trục xuất 167 người theo thủ tục hành chính<sup>23</sup>.

74. Pháp luật Việt Nam không có quy định cụ thể về trường hợp không được trục xuất nếu có lý do để tin rằng người bị trục xuất sẽ bị tra tấn. Tuy nhiên, khi quyết định áp dụng hình phạt trục xuất, Tòa án hoặc người có thẩm quyền đều phải cân nhắc đến lợi ích của người bị trục xuất, các quy định của pháp luật trong nước, pháp luật quốc tế trong đó có quy định tại Điều 3 của Công ước chống tra tấn để đưa ra quyết định phù hợp.

---

<sup>23</sup> Số liệu tính đến tháng 2/2016

## ***Về dẫn độ***

75. Dẫn độ được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Luật tương trợ tư pháp năm 2007; tại 13 hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự, dân sự, hôn nhân, gia đình đã ký kết và 13 hiệp định riêng về dẫn độ đã ký kết hoặc dự kiến ký kết với các nước<sup>24</sup>... Trong hầu hết các hiệp định đều quy định rõ việc từ chối dẫn độ nếu có nghi ngờ người bị yêu cầu dẫn độ có thể bị truy bức, bị tra tấn, đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục ở nước yêu cầu. Ngoài ra, điểm d khoản 1 Điều 344 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 và điểm d khoản 1 Điều 35 Luật tương trợ tư pháp năm 2007 quy định các trường hợp Việt Nam từ chối dẫn độ, trong đó có trường hợp từ chối với lý do người bị yêu cầu dẫn độ là người đang cư trú ở Việt Nam có khả năng bị truy bức ở nước yêu cầu do có sự phân biệt về chủng tộc, tôn giáo, giới tính, quốc tịch, dân tộc, thành phần xã hội hoặc quan điểm chính trị.

76. Như vậy, từ khi chưa phê chuẩn Công ước, nội dung từ chối dẫn độ nếu có nghi ngờ người bị yêu cầu dẫn độ có thể bị tra tấn hoặc truy bức tại nước yêu cầu đã được đưa vào các hiệp định về dẫn độ mà Việt Nam đã ký kết và các dự thảo hiệp định về dẫn độ dự kiến sẽ ký với các nước.

77. Từ năm 2012 đến 2016, trong các yêu cầu dẫn độ mà Việt Nam đã gửi đến các nước<sup>25</sup> đều khẳng định cam kết người bị yêu cầu dẫn độ sẽ không bị tra tấn hoặc đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người hay bị truy bức do có sự phân biệt về chủng tộc, tôn giáo, giới tính, quốc tịch, dân tộc, thành phần xã hội hoặc quan điểm chính trị. Đồng thời, Việt Nam cũng đề nghị các quốc gia yêu cầu Việt Nam dẫn độ cũng phải cam kết nội dung tương tự khi yêu cầu dẫn độ<sup>26</sup>.

## ***Về trao trả***

78. Về chuyển giao người bị kết án phạt tù: Luật tương trợ tư pháp năm 2007 đã có quy định không chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù tại Việt Nam cho nước ngoài nếu có căn cứ cho rằng người được chuyển giao có thể bị tra tấn, trả thù hoặc truy bức tại nước tiếp nhận chuyển giao (khoản 1 Điều 51). Bên cạnh đó, từ năm 2012 đến 2016, Việt Nam đã ký kết 02 hiệp định về chuyển giao người bị kết án phạt tù với Cộng hòa Hung-ga-ri (2013) và Cộng hòa dân chủ xã hội chủ nghĩa Xri Lan-ca (2014)<sup>27</sup> đều có quy định từ chối chuyển giao nếu có căn cứ cho rằng người bị kết án đó khi về nước mà mình mang quốc tịch

---

<sup>24</sup> Xem Phụ lục 8

<sup>25</sup> Xem thêm Phụ lục 12

<sup>26</sup> Xem thêm Phụ lục 12

<sup>27</sup> Xem thêm Phụ lục 8

để tiếp tục thi hành hình phạt có thể bị tra tấn, trả thù hoặc truy bức.

79. Trao trả tội phạm là người nước ngoài: các đơn vị chức năng của Bộ Công an Việt Nam, căn cứ Điều lệ của Tổ chức Cảnh sát hình sự quốc tế (Interpol), sẽ thực hiện kiểm tra, phát hiện các đối tượng phạm tội bị cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, cảnh sát quốc tế truy nã đang lẩn trốn tại Việt Nam và phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện các thủ tục cần thiết để bàn giao cho cơ quan chức năng của nước ngoài. Năm 2015, các đơn vị thuộc Bộ Công an Việt Nam đã trao trả 32 đối tượng thuộc danh sách truy nã của Interpol.

80. Đến nay, Việt Nam cũng chưa có vụ việc trục xuất, trao trả hoặc dẫn độ nào liên quan đến tra tấn.

81. Trong lĩnh vực tương trợ tư pháp về hình sự, ủy thác tư pháp hình sự của nước ngoài sẽ bị từ chối thực hiện nếu “không phù hợp với điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên” (điểm a khoản 1 Điều 21 Luật tương trợ tư pháp năm 2007). Trường hợp dẫn giải người đang chấp hành hình phạt tù để cung cấp chứng cứ, cơ quan có thẩm quyền của nước yêu cầu phải cam kết bằng văn bản về việc bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe, điều kiện ăn ở, đi lại, thời hạn, phương thức tiếp nhận, trao trả và các điều kiện cụ thể khác liên quan đến việc dẫn giải do cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền của Việt Nam đề nghị (điểm b khoản 2 Điều 25 Luật tương trợ tư pháp năm 2007) nhằm tránh sự trừng phạt hay tra tấn của nước yêu cầu.

*Giới thiệu công tác huấn luyện/đào tạo đối với các cán bộ giải quyết việc trục xuất, đẩy trả hoặc dẫn độ người nước ngoài*

82. Tổng cục Cảnh sát Bộ Công an đã tổ chức tập huấn về Hướng dẫn số 65 ngày 05/01/2011 về phối hợp xử lý các vụ việc có yếu tố nước ngoài, có tính chất xuyên quốc gia liên quan đến Việt Nam qua kênh hợp tác Interpol, Aseanapol và Hướng dẫn số 2454 ngày 12/7/2011 về công tác truy nã quốc tế qua kênh hợp tác Interpol và tổ chức nhiều lớp tập huấn cho cán bộ, chiến sĩ Công an các đơn vị, địa phương 02 văn bản hướng dẫn này.

#### **VỀ THỰC HIỆN ĐIỀU 4**

*Nghĩa vụ đảm bảo mọi hành vi tra tấn đều là tội phạm theo pháp luật hình sự quốc gia phù hợp với khái niệm tại Điều 1.*

83. Như đã phân tích tại đoạn 42, Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) không đưa ra khái niệm tra tấn, không quy định tội danh tra tấn, tuy nhiên các hành vi có tính chất tra tấn theo khái niệm tại Điều 1 Công ước đều được quy định trong các điều khoản của Bộ luật hình sự năm 1999 và người vi

phạm phải chịu trách nhiệm hình sự.

84. Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tội phạm nói chung cũng như các tội phạm có tính chất tra tấn được quy định tại Điều 23 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và Điều 27 Bộ luật hình sự năm 2015, cụ thể như sau: 05 năm đối với tội phạm ít nghiêm trọng; 10 năm đối với tội phạm nghiêm trọng; 15 năm đối với tội phạm rất nghiêm trọng; 20 năm đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

85. Các quy định liên quan đến tội phạm tra tấn trong Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung theo hướng:

86. - Sửa đổi tội dùng nhục hình (Điều 373) như sau:

+ Bổ sung hành vi đối xử tàn bạo, hạ nhục nhân phẩm của người khác là hành vi cấu thành tội phạm này để có thể bao gồm hành vi tra tấn về tinh thần;

+ Mở rộng phạm vi chủ thể tội dùng nhục hình là bất cứ người nào trong hoạt động tổ tụng, thi hành án hoặc thi hành các biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

+ Cụ thể hóa các tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự và bổ sung một khoản mới (khoản 4) để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với trường hợp làm nạn nhân chết với mức hình phạt là tù có thời hạn từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.

87. - Sửa đổi tội bức cung (Điều 374) như sau:

+ Mở rộng phạm vi chủ thể của tội này: không chỉ là người có thẩm quyền trong hoạt động hỏi cung bị can, bị cáo trong vụ án hình sự mà còn là người có thẩm quyền trong hoạt động lấy lời khai đối với nhân chứng, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án hình sự, dân sự, lao động, hành chính...;

+ Cụ thể hoá các tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự, trong đó có hành vi dùng nhục hình hoặc đối xử tàn bạo, hạ nhục nhân phẩm người bị lấy lời khai, hỏi cung; bổ sung một khoản mới (khoản 4) để tăng nặng trách nhiệm hình sự với mức hình phạt là tù có thời hạn từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân nếu thuộc một trong các trường hợp: làm người bị bức cung chết; làm oan người vô tội; dẫn đến bỏ lọt tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

88. - Sửa đổi, bổ sung tội mua chuộc hoặc cưỡng ép người khác trong việc khai báo, cung cấp tài liệu (Điều 384) như sau:

+ Sửa đổi tình tiết định tội không chỉ là cưỡng ép, mua chuộc để khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật, mà còn cưỡng ép, mua chuộc để các đối tượng không

khai báo, không cung cấp tài liệu phục vụ cho việc giải quyết vụ án, vụ việc;

+ Mở rộng phạm vi người bị mua chuộc, bị cưỡng ép khai báo, cung cấp tài liệu: người làm chứng, người bị hại, đương sự trong các vụ án hình sự, hành chính, dân sự, kinh tế, lao động, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật.

+ Bổ sung hậu quả dẫn đến việc giải quyết vụ án, vụ việc bị sai lệch là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

89. Các tội danh liên quan khác cũng được sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định tình tiết: “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, gồm các tội: đe dọa giết người (Điều 133), cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (Điều 134).

90. Đồng thời, tại cấu thành tăng nặng trách nhiệm hình sự của tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật (Điều 157) cũng được bổ sung tình tiết: “Tra tấn, đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục phẩm giá nạn nhân”.

*Trách nhiệm pháp lý đối với hành vi đồng phạm hoặc tham gia vào tội phạm tra tấn hoặc các tội phạm có liên quan nêu trên.*

91. Đồng phạm được quy định tại Điều 20 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015. Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm. Người đồng phạm phải chịu trách nhiệm về tội phạm, tuy nhiên, không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi vượt quá của người thực hành. Các loại người đồng phạm bao gồm: người tổ chức, người thực hành, người xúi giục, người giúp sức. Như vậy, người thực hiện hành vi đồng phạm hoặc tham gia vào tội phạm có tính chất tra tấn và các tội phạm có liên quan phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình, tùy theo tính chất, mức độ tham gia của người đó.

*Quy định hiện hành về các biện pháp kỷ luật trong quá trình điều tra một vụ việc về tra tấn đối với nhân viên thực thi pháp luật bị cáo buộc thực hiện hành vi tra tấn*

92. Nghị định số 34/2011/NĐ-CP ngày 17/5/2011 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật đối với công chức và Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức, với các hình thức kỷ luật như sau: khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương, giáng chức, cách chức, buộc thôi việc. Theo đó, công chức, viên chức thực hiện những việc công chức, viên chức không được làm quy định tại Luật cán bộ, công chức năm 2008 và Luật viên chức năm 2010 thì bị xử lý kỷ luật. Tuy nhiên, công chức, viên chức bị nghi ngờ hoặc bị cáo buộc vi phạm

pháp luật nhưng chưa có kết luận của cơ quan có thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử thì chưa bị xử lý kỷ luật. Công chức là người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong phạm vi phụ trách mà không có biện pháp ngăn chặn thì bị áp dụng hình thức kỷ luật giáng chức (Điều 12 Nghị định số 34/2011/NĐ-CP). Nhân viên thực thi công vụ bị cáo buộc đã thực hiện hành vi tra tấn thì cũng áp dụng nguyên tắc xử lý này, có nghĩa là, khi chưa có kết luận của cơ quan có thẩm quyền về hành vi vi phạm pháp luật của người đó thì việc xử lý kỷ luật chưa được đặt ra. Đối với các ngành khác nhau, tùy thuộc là công chức hay viên chức, nếu vi phạm pháp luật thì sẽ bị áp dụng các biện pháp kỷ luật đã nêu ở trên.

93. Đối với một số ngành đặc thù còn có những quy định riêng, ví dụ như:

94. - Đối với điều tra viên: theo quy định tại Điều 56 Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015 thì điều tra viên đương nhiên bị mất chức danh điều tra viên khi bị kết tội bằng bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc bị kỷ luật bằng hình thức tước danh hiệu Công an nhân dân, tước quân hàm sĩ quan Quân đội nhân dân, buộc thôi việc. Tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, điều tra viên có thể bị cách chức chức danh điều tra viên nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: vi phạm trong công tác điều tra vụ án hình sự; vi phạm quy định về các hành vi bị nghiêm cấm, trong đó có hành vi bức cung, dùng nhục hình và các hình thức tra tấn hoặc đối xử, trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo, hạ nhục con người hay bất kỳ hình thức nào khác xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bị kỷ luật bằng hình thức cách chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức; vi phạm về phẩm chất đạo đức.

95. - Đối với Công an nhân dân, sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân không được sử dụng Công an hiệu, cấp hiệu, phù hiệu khi bị khởi tố, tạm giữ, tạm giam (Điều 42 Luật Công an nhân dân năm 2014).

96. - Đối với Quân đội nhân dân, sĩ quan tạm thời không được mang quân hàm khi bị khởi tố, tạm giữ, tạm giam; sĩ quan bị phạt tù thì đương nhiên bị tước quân hàm khi bản án có hiệu lực pháp luật (Điều 49 Luật sĩ quan Quân đội nhân dân năm 1999, sửa đổi, bổ sung các năm 2008 và 2014).

97. - Đối với cán bộ kiểm sát: cán bộ, công chức, viên chức và người lao động khác của Viện kiểm sát nhân dân phải thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình (Điều 59 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014). Kiểm sát viên đương nhiên bị cách chức chức danh kiểm sát viên khi bị kết tội bằng bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Bên cạnh đó, tùy theo mức độ vi phạm, kiểm sát



viên có thể bị cách chức danh kiểm sát viên khi thuộc một trong các trường hợp: vi phạm trong khi thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp; vi phạm về những điều kiểm sát viên không được làm quy định tại Điều 84 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014; vi phạm về phẩm chất đạo đức; có hành vi vi phạm pháp luật khác.

98. - Đối với thẩm phán: chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và các quyết định của mình; nếu có hành vi vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của luật (Điều 77 Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014). Thẩm phán đương nhiên bị cách chức khi bị kết tội bằng bản án của tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Bên cạnh đó, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, Thẩm phán có thể bị cách chức khi thuộc các trường hợp: vi phạm trong công tác xét xử, giải quyết những việc thuộc thẩm quyền của Tòa án; vi phạm quy định về những điều Thẩm phán không được làm tại Điều 77 Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014; vi phạm về phẩm chất đạo đức; vi phạm quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp của thẩm phán; có hành vi vi phạm pháp luật khác. Bên cạnh đó, Tòa án nhân dân tối cao đang xây dựng Quy chế xử lý người giữ chức danh tư pháp trong Tòa án nhân dân nhằm siết chặt kỷ cương, kỷ luật và để nâng cao tinh thần, trách nhiệm của người giữ chức danh tư pháp trong Tòa án nhân dân.

99. - Đối với những người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc kiểm lâm và hải quan: theo quy định của pháp luật, những người này có thể là công chức hoặc viên chức. Do đó, quy định hiện hành về các hình thức kỷ luật đối với những người này sẽ thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 34/2011/NĐ-CP ngày 17/5/2011 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật đối với công chức và Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012 quy định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức như đã nêu tại Đoạn 92.

### **Thống kê số vụ án liên quan đến tra tấn**

100. Từ năm 2010 đến năm 2015, Tòa án nhân dân chưa thụ lý vụ án nào về tội bức cung và tội mua chuộc hoặc cưỡng ép người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật; đã thụ lý và xét xử 10 vụ án với tổng số 26 lượt bị cáo về tội dùng nhục hình, cụ thể: năm 2010 là 0 vụ với 0 bị cáo/ tổng số 52.545 vụ án hình sự với 88.967 bị cáo (0%); năm 2011 là 0 vụ với 0 bị cáo/ tổng số 58.277 vụ án hình sự với 100.667 bị cáo (0%); năm 2012 là 4 vụ với 8 bị cáo/ tổng số 64.935 vụ án hình sự với 116.907 bị cáo (0,006%); năm 2013 là 1 vụ với 2 bị cáo/ tổng số 66.107 vụ án hình sự với 117.502 bị cáo (0,0015%); năm 2014 là 3

vụ với 7 bị cáo/ tổng số 65.858 vụ án hình sự với 118.372 bị cáo (0,0045%); năm 2015 là 2 vụ với 9 bị cáo/ tổng số 59.196 vụ án hình sự với 106.078 bị cáo (0,0033%)<sup>28</sup>.

## **Về thực hiện Điều 5**

### *Các biện pháp để thiết lập quyền tài phán của Việt Nam*

101. Quyền tài phán đối với tội phạm có hành vi tra tấn đã được quy định trong pháp luật Việt Nam. Cụ thể: theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), Bộ luật này được áp dụng đối với mọi hành vi phạm tội xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam, không kể là các hành vi phạm tội đó do công dân Việt Nam hay người nước ngoài thực hiện. Đối với người nước ngoài phạm tội trên lãnh thổ Việt Nam thuộc đối tượng được hưởng các quyền miễn trừ ngoại giao hoặc quyền ưu đãi và miễn trừ lãnh sự theo pháp luật Việt Nam, theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia hoặc theo tập quán quốc tế, thì vấn đề trách nhiệm hình sự của họ được giải quyết bằng con đường ngoại giao. Công dân Việt Nam hoặc người không có quốc tịch thường trú ở Việt Nam thực hiện tội phạm ngoài lãnh thổ Việt Nam có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự tại Việt Nam theo quy định của Bộ luật hình sự. Người nước ngoài phạm tội ở ngoài lãnh thổ Việt Nam có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong những trường hợp được quy định trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia.

102. Bên cạnh đó, các điều 171 và 172 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định: tòa án có thẩm quyền xét xử vụ án hình sự là tòa án nơi tội phạm được thực hiện. Trong trường hợp tội phạm được thực hiện tại nhiều nơi khác nhau hoặc không xác định được nơi thực hiện tội phạm thì tòa án có thẩm quyền xét xử là tòa án nơi kết thúc việc điều tra. Đối với những tội phạm xảy ra trên tàu bay hoặc tàu biển của Việt Nam đang hoạt động ngoài không phận hoặc lãnh hải Việt Nam thuộc thẩm quyền xét xử của tòa án Việt Nam, thì tòa án có thẩm quyền xét xử là tòa án nơi có sân bay hoặc bến cảng trở về đầu tiên hoặc nơi tàu bay, tàu biển đó được đăng ký.

103. Bộ luật hình sự năm 2015 tiếp tục kế thừa các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và có những sửa đổi như sau:

- Về hiệu lực của Bộ luật hình sự đối với những hành vi phạm tội trên lãnh thổ nước Việt Nam:

+ Bổ sung hiệu lực của Bộ luật hình sự đối với hành vi phạm tội xảy ra trên tàu

---

<sup>28</sup> Xem thêm Phụ lục 11

bay, tàu biển mang quốc tịch Việt Nam: Bộ luật hình sự năm 2015 được áp dụng đối với mọi hành vi phạm tội thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Quy định này cũng được áp dụng đối với hành vi phạm tội hoặc hậu quả của hành vi phạm tội xảy ra trên tàu bay, tàu biển mang quốc tịch Việt Nam hoặc tại vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của Việt Nam.

+ Quy định lại nội dung áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 đối với người nước ngoài phạm tội trên lãnh thổ nước Việt Nam: đối với người nước ngoài phạm tội trên lãnh thổ Việt Nam thuộc đối tượng được hưởng quyền miễn trừ ngoại giao hoặc lãnh sự theo pháp luật Việt Nam, theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc theo tập quán quốc tế, thì vấn đề trách nhiệm hình sự của họ được giải quyết theo quy định của điều ước quốc tế hoặc theo tập quán quốc tế đó. Trường hợp điều ước quốc tế đó không quy định hoặc không có tập quán quốc tế thì trách nhiệm hình sự của họ được giải quyết bằng con đường ngoại giao.

- Về hiệu lực của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với những hành vi phạm tội ở ngoài lãnh thổ Việt Nam:

+ Thêm hiệu lực áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 đối với pháp nhân thương mại Việt Nam có hành vi phạm tội ngoài lãnh thổ Việt Nam.

+ Thêm hiệu lực áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 đối với pháp nhân thương mại nước ngoài phạm tội ở ngoài lãnh thổ Việt Nam, đồng thời bổ sung những trường hợp có thể bị xử lý hình sự.

+ Bổ sung quy định áp dụng đối với tàu bay, tàu biển không mang quốc tịch Việt Nam ở ngoài lãnh thổ Việt Nam.

104. Về thẩm quyền xét xử, so với Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 bổ sung quy định: bị cáo phạm tội ở nước ngoài nếu xét xử ở Việt Nam thì Tòa án nhân dân cấp tỉnh nơi cư trú cuối cùng của bị cáo ở trong nước xét xử. Nếu không xác định được nơi cư trú cuối cùng ở trong nước của bị cáo thì tùy trường hợp Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ra quyết định giao cho Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội hoặc Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh hoặc Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử. Bị cáo phạm tội ở nước ngoài nếu thuộc thẩm quyền xét xử của tòa án quân sự thì tòa án quân sự cấp quân khu xét xử theo quyết định của Chánh án tòa án quân sự trung ương.

*Các biện pháp có thể tiến hành để thiết lập quyền tài phán trong trường hợp không dẫn độ người phạm tội cho quốc gia khác*

105. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định về xử lý trường hợp từ chối

dẫn độ công dân Việt Nam (Điều 498), cụ thể là theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có trách nhiệm xem xét để truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc cho thi hành bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài đối với công dân Việt Nam bị từ chối dẫn độ.

106. Điều 29 Luật tương trợ tư pháp 2007 quy định cụ thể về việc xem xét yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài về việc tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với công dân Việt Nam phạm tội ở nước ngoài đang có mặt tại Việt Nam. Trong các hiệp định về dẫn độ mà Việt Nam đã ký kết đều có quy định nghĩa vụ truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp từ chối dẫn độ vì lý do quốc tịch của người bị yêu cầu dẫn độ. Căn cứ vào quy định của pháp luật có liên quan, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam sẽ thực hiện việc thiết lập quyền tài phán.

107. Biện pháp ngoại giao: trong trường hợp từ chối dẫn độ một người bị buộc tội đang có mặt trên lãnh thổ Việt Nam vì các lý do luật định, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, ngoài việc áp dụng biện pháp pháp luật để tiến hành truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người đó ở Việt Nam như đã phân tích, còn áp dụng biện pháp thông qua các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đối ngoại để thông báo cho các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài về thẩm quyền tài phán của Việt Nam đối với người đã thực hiện hành vi phạm tội đó. Ngoài ra, các cơ quan tiến hành tố tụng có thể thực hiện tham vấn, đàm phán, trao đổi thông tin có liên quan và hợp tác với bên nước ngoài để xử lý hiệu quả tội phạm.

108. Biện pháp tố tụng hình sự:

- Biện pháp ngăn chặn: trong trường hợp từ chối dẫn độ và để thực hiện được việc truy cứu trách nhiệm hình sự trên lãnh thổ Việt Nam, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có thể áp dụng một trong các biện pháp ngăn chặn quy định tại Điều 79 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 gồm: bắt, tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm. Sau khi Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành, các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có thể áp dụng một trong các biện pháp ngăn chặn quy định tại Điều 109, gồm: giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam, bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm, cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh.

- Thực hiện việc công nhận và cho thi hành ở Việt Nam bản án hình sự của toà án nước ngoài: Điều 500 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 cho phép công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án hình sự của toà án nước ngoài trong trường hợp từ chối dẫn độ công dân Việt Nam phạm tội ở nước ngoài, đã bị toà án có

thẩm quyền nước ngoài tuyên một bản án có hiệu lực pháp luật hoặc đang chấp hành hình phạt tù ở nước ngoài nhưng bỏ trốn về Việt Nam.

109. Đến nay, Việt Nam chưa nhận được và chưa thực hiện bất kỳ yêu cầu dẫn độ nào liên quan đến tra tấn<sup>29</sup>.

### **Về thực hiện Điều 6**

*Các quy định pháp luật của Việt Nam có liên quan đến việc bắt, giam giữ người nước ngoài hoặc các biện pháp khác để bảo đảm sự có mặt của người nước ngoài bị cáo buộc phạm tội tra tấn*

110. Việc áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người nước ngoài phạm tội trên lãnh thổ Việt Nam được thực hiện như đối với người Việt Nam phạm tội. Các trường hợp bắt người gồm bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bắt người phạm tội quả tang, bắt người đang bị truy nã, bắt bị can, bị cáo để tạm giam, bắt người bị yêu cầu dẫn độ<sup>30</sup>.

111. Về thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử: các cơ quan điều tra và viện kiểm sát nhân dân, tòa án nhân dân<sup>31</sup> là các cơ quan có thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử người bị cáo buộc thực hiện hành vi tra tấn. Căn cứ và cấu thành của tội phạm và các tình tiết của vụ án, thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử sẽ được giao cho các cơ quan điều tra, viện kiểm sát nhân dân và tòa án nhân dân ở cấp tương ứng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 hoặc theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 khi có hiệu lực thi hành.

112. Việc thông báo và tổ chức thăm gặp, tiếp xúc lãnh sự áp dụng với cơ quan ngoại giao, lãnh sự nước ngoài tại Việt Nam, các trại giam, trại tạm giam, phạm nhân nước ngoài tại Việt Nam và các cơ quan tổ chức, cá nhân có liên quan được thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 03/2012/TTLT-BCA-BQP-BNG ngày 13/02/2012 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và Bộ Ngoại giao hướng dẫn việc thăm gặp, tiếp xúc lãnh sự với phạm nhân và phù hợp với điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, trong đó có Công ước Viên về quan hệ lãnh sự năm 1963. Viên chức ngoại giao, lãnh sự nước ngoài có phạm nhân mang quốc tịch đến thực hiện thăm gặp, tiếp xúc lãnh sự tại các trạm giam, trại tạm giam sau khi được cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an hoặc Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng cấp giấy giới thiệu thăm gặp, tiếp xúc lãnh sự. Phạm nhân được thăm gặp, tiếp xúc lãnh sự mỗi tháng một lần, mỗi lần không quá 01 giờ, trường hợp đặc biệt có thể kéo dài

---

<sup>29</sup> Xem thêm Phụ lục 12

<sup>30</sup> Xem thêm đoạn 52, 54, 108

<sup>31</sup> Xem thêm các đoạn từ 27 đến 30

thời gian thăm gặp, tiếp xúc lãnh sự nhưng không quá 02 giờ. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định trường hợp người bị giữ, người bị bắt là công dân nước ngoài thì cơ quan, người có thẩm quyền phải thông báo cho cơ quan ngoại giao của Việt Nam để thông báo cho cơ quan đại diện ngoại giao của nước có công dân bị giữ, bị bắt (Điều 116).

113. Từ năm 2011 đến hết năm 2015, có tổng số 85 lượt đại diện đại sứ quán các nước đã thăm gặp lãnh sự đối với 1.526 lượt phạm nhân; khoảng 20 đoàn tổ chức quốc tế đến thăm trại giam và tiếp xúc với phạm nhân là người nước ngoài; 796 lượt thăm thân đối với phạm nhân là người nước ngoài.<sup>32</sup>

*Các quy định có liên quan đến thủ tục, trình tự, thẩm quyền... để thông báo với các quốc gia khác*

114. Các hình thức thông báo bao gồm:

- Thông qua cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự: việc thông báo với các quốc gia khác có liên quan đến vụ việc có yếu tố nước ngoài có thể được thực hiện thông qua Bộ Ngoại giao Việt Nam, chức năng này đã được quy định tại Nghị định số 26/2017/NĐ-CP ngày 14/3/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao. Trình tự thủ tục cơ bản như sau: (i) Trường hợp cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia khác thì có thể thông qua Bộ Ngoại giao Việt Nam để gửi thông báo tới Cơ quan đại diện nước đó tại Việt Nam (hoặc kiêm nhiệm); (ii) Trường hợp cơ quan có thẩm quyền nước ngoài yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cung cấp thông tin thì có thể thông qua Cơ quan đại diện của nước đó tại Việt Nam (hoặc kiêm nhiệm) gửi yêu cầu tới Bộ Ngoại giao Việt Nam để Bộ Ngoại giao Việt Nam chuyển tới cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xem xét, thực hiện.

- Thông qua cơ quan trung ương: Điều 493 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định Bộ Công an là Cơ quan trung ương Việt Nam trong hoạt động dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù; Viện kiểm sát nhân dân tối cao là Cơ quan trung ương của Việt Nam trong hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự. Ngoài ra, trong các hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự, hiệp định dẫn độ, hiệp định chuyển giao người bị kết án phạt tù<sup>33</sup> cũng quy định về hai cơ quan trung ương này. Các cơ quan trung ương sẽ có trách nhiệm trao đổi thông tin về quá trình xử lý mọi vụ việc về tương trợ tư pháp về hình sự, dẫn độ.

- Thông qua kênh Interpol: việc trao đổi thông tin qua kênh Interpol được thực hiện theo Điều lệ của Interpol và quy định về tổ chức, hoạt động của Interpol

---

<sup>32</sup> Số liệu tính đến tháng 2/2016

<sup>33</sup> Xem thêm Phụ lục 8

Việt Nam.

115. Như đã đề cập ở đoạn 80, đến nay (tháng 03/2017) Việt Nam chưa tiếp nhận yêu cầu dẫn độ hoặc yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự đối với người nước ngoài có hành vi tra tấn đang có mặt trên lãnh thổ Việt Nam.

### **Về thực hiện Điều 7**

*Các biện pháp để đảm bảo đối xử công bằng đối với người tình nghi phạm tội trong tất cả các giai đoạn của quá trình tố tụng*

116. Theo quy định của pháp luật Việt Nam, tố tụng hình sự được tiến hành theo nguyên tắc mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt dân tộc, giới tính, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần và địa vị xã hội (Điều 5 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, Điều 9 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015). Theo đó, người bị tình nghi thực hiện hành vi có tính chất tra tấn được hưởng những quyền giống như những người bị tình nghi thực hiện các hành vi phạm tội khác.

117. Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp người bị tình nghi phạm tội trong các giai đoạn tố tụng cũng như bảo đảm mọi hoạt động tố tụng hình sự được thực hiện theo quy định của pháp luật, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 đã dành một chương với 30 điều quy định các nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự.

118. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã có một chương riêng với 27 điều quy định các nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự:

- Nguyên tắc suy đoán vô tội (Điều 13): người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng hình sự quy định và có bản án kết tội của tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Khi không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội theo trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng hình sự năm quy định thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kết luận người bị buộc tội không có tội.

- Nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự (các điều 16, 71): người bị buộc tội có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa. Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm thông báo, giải thích và bảo đảm cho người bị buộc tội, bị hại, đương sự thực hiện đầy đủ quyền bào chữa, quyền và lợi ích hợp pháp của họ theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trường hợp người bị buộc tội, người bị hại thuộc diện được trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm giải thích cho họ quyền được trợ giúp pháp lý; nếu họ đề nghị được trợ giúp pháp lý thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng thông báo cho Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước.

119. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật, Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân đã tiếp nhận, xem xét cấp giấy chứng nhận bào chữa trong giai đoạn điều tra, cụ thể là: năm 2012, cấp 3.795 giấy chứng nhận bào chữa; năm 2013, cấp 7.508 giấy chứng nhận bào chữa; năm 2014, cấp 8.752 giấy chứng nhận bào chữa; năm 2015, cấp 9.280 giấy chứng nhận bào chữa.

#### *Quy định về chứng cứ*

120. Theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 thì chứng cứ là những gì có thật, được thu thập theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định mà Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Toà án dùng làm căn cứ để xác định có hay không có hành vi phạm tội, người thực hiện hành vi phạm tội cũng như những tình tiết khác cần thiết cho việc giải quyết đúng đắn vụ án (Điều 64). Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định cụ thể về nguồn chứng cứ gồm: vật chứng; lời khai của người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo; kết luận giám định; biên bản về hoạt động điều tra, xét xử và các tài liệu, đồ vật khác (Điều 64). Đồng thời, quy định cụ thể về thu thập chứng cứ (Điều 65).

121. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 kế thừa quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về chứng cứ và bổ sung các nguồn thu thập, xác định chứng cứ gồm: dữ liệu điện tử; kết luận định giá tài sản; biên bản trong hoạt động khởi tố, truy tố, thi hành án; kết quả thực hiện ủy thác tư pháp và hợp tác quốc tế khác. Đồng thời, bổ sung quy định những gì có thật nhưng không được thu thập theo trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng hình sự năm quy định thì không có giá trị pháp lý và không được dùng làm căn cứ để giải quyết vụ án hình sự (Điều 87). Ngoài ra, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã mở rộng diện chủ thể có thể đưa ra chứng cứ. Theo đó, những người tham gia tố tụng khác, cơ quan, tổ chức hoặc bất cứ cá nhân nào đều có thể đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử và trình bày những vấn đề có liên quan đến vụ án (khoản 3 Điều 88).

122. Trong tất cả các giai đoạn tố tụng, mọi chứng cứ đều phải được đánh giá để xác định tính hợp pháp, xác thực. Do đó, nếu thông tin, tài liệu được thu thập không đúng theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự thì sẽ không có giá trị chứng minh trong quá trình tố tụng. Những người tiến hành tố tụng phải xác định và đánh giá mọi chứng cứ với đầy đủ tinh thần trách nhiệm.

123. Như vậy, có thể thấy khi truy cứu trách nhiệm hình sự bất kỳ tội phạm nào thì việc thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ trong các giai đoạn tố tụng đều được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, không có sự phân biệt về tính chất, mức độ của nghiêm trọng của tội phạm hay người phạm tội. Nếu việc thu



thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ không đáp ứng được các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự sẽ không được sử dụng trong bất kì giai đoạn tố tụng nào.

## **Về thực hiện Điều 8**

### *Cơ sở pháp lý về dẫn độ của Việt Nam*

124. Theo Nghị quyết số 83/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về việc phê chuẩn Công ước, Việt Nam không coi Công ước là cơ sở pháp lý trực tiếp để dẫn độ. Việc dẫn độ được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam trên cơ sở các hiệp định về dẫn độ mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia hoặc nguyên tắc có đi có lại, cụ thể:

- Các điều ước quốc tế song phương về dẫn độ mà Việt Nam ký kết với các nước<sup>34</sup>. Tuy không quy định rõ tra tấn là một trong các tội phạm có thể bị dẫn độ nhưng theo các điều ước này, người có hành vi tra tấn là vi phạm pháp luật hình sự của Việt Nam và có thể bị dẫn độ.

- Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 (Chương XXXVII), Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (Phần 8) và Luật tương trợ tư pháp 2007 (Chương IV) và Thông tư liên tịch số 02/2013/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BNG ngày 16/8/2013 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao hướng dẫn việc tiếp nhận, chuyển giao hồ sơ, vật chứng của vụ án để yêu cầu nước ngoài tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự.

125. Việt Nam không quy định các tội có thể bị dẫn độ trong nội luật và các điều ước quốc tế đã ký kết như nhiều quốc gia khác mà chỉ quy định các trường hợp có thể bị dẫn độ. Theo đó, người có thể bị dẫn độ là người có hành vi phạm tội mà Bộ luật hình sự Việt Nam và pháp luật hình sự của nước yêu cầu quy định hình phạt tù có thời hạn từ một năm trở lên, tù chung thân hoặc tử hình hoặc đã bị tòa án của nước yêu cầu xử phạt tù mà thời hạn chấp hành hình phạt tù còn lại ít nhất sáu tháng. Như vậy, trong trường hợp người thực hiện hành vi tra tấn ở nước ngoài đang có mặt trên lãnh thổ Việt Nam mà bảo đảm nguyên tắc tội phạm kép và đáp ứng các điều kiện về dẫn độ thì khi có yêu cầu dẫn độ, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam sẽ tiếp nhận và giải quyết.

126. Từ năm 2010 đến 2016, Việt Nam tiếp nhận 18 yêu cầu dẫn độ và đề nghị nước ngoài thực hiện 20 yêu cầu dẫn độ<sup>35</sup>. Cho đến nay, Việt Nam chưa nhận được yêu cầu cũng như chưa thực hiện yêu cầu dẫn độ nào liên quan đến tra tấn.

---

<sup>34</sup> Xem Phụ lục 8

<sup>35</sup> Xem Phụ lục 12

## **Về thực hiện Điều 9**

*Nghĩa vụ thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự.*

127. Việt Nam thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự đối với tội phạm căn cứ trên các cơ sở pháp lý sau:

- Các điều ước quốc tế đa phương hoặc song phương chuyên biệt hoặc có điều khoản về tương trợ tư pháp về hình sự như CAT (Điều 9), TOC (Điều 18)<sup>36</sup>.
- Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 (Chương XXXVI), Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (Phần 8), Luật tương trợ tư pháp năm 2007 (Chương III) và Thông tư liên tịch số 02/2013/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BNG ngày 16/8/2013 hướng dẫn việc tiếp nhận, chuyển giao hồ sơ, vật chứng của vụ án để yêu cầu nước ngoài tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Trong trường hợp yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự liên quan đến hành vi tra tấn không lập theo các điều ước đa phương hoặc song phương về tương trợ tư pháp hình sự, Việt Nam áp dụng nguyên tắc có đi có lại để xem xét thực hiện.

128. Phạm vi tương trợ tư pháp về hình sự: tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu liên quan đến tương trợ tư pháp về hình sự; triệu tập người làm chứng, người giám định; thu thập, cung cấp chứng cứ; truy cứu trách nhiệm hình sự; trao đổi thông tin; các yêu cầu tương trợ tư pháp khác về hình sự (Điều 17 Luật tương trợ tư pháp năm 2007). Ngoài ra, trong một số hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam và các nước có quy định phạm vi tương trợ tư pháp rộng hơn như: việc lấy lời khai thông qua hình thức đàm thoại trực tuyến hoặc truyền hình; định vị hoặc nhận dạng người; trả lại tài sản; phân chia tài sản (Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len); thu hồi, tịch thu tài sản do phạm tội mà có; xác minh địa chỉ và nhận dạng người làm chứng, người bị tình nghi (Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa các nước ASEAN năm 2004).

129. Từ năm 2011 đến 2015, Việt Nam tiếp nhận, giải quyết 337 hồ sơ yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự từ nước ngoài; gửi đi 379 hồ sơ yêu cầu tương trợ tư pháp đến nước ngoài. Đến nay, Việt Nam không nhận được và cũng không có yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự liên quan đến tội phạm tra tấn.

## **Về thực hiện Điều 10**

*Các quy định pháp lý liên quan đến việc phổ biến, tuyên truyền văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế*

---

<sup>36</sup> Xem Phụ lục 8

130. Cơ sở pháp lý chung cho việc phổ biến, tuyên truyền văn bản quy phạm pháp luật được quy định ở nhiều văn bản khác nhau như: Luật phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012, Luật công nghệ thông tin năm 2006<sup>37</sup>. Mới đây, Quốc hội Việt Nam đã thông qua Luật tiếp cận thông tin năm 2016, Luật báo chí năm 2016 góp phần tăng cường cơ sở pháp lý trong việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật nói chung và pháp luật về chống tra tấn nói riêng.

131. Để phổ biến, tuyên truyền Công ước, Việt Nam đã ban hành: Kế hoạch của Chính phủ, kế hoạch của các bộ, ngành, đề án tuyên truyền ở trung ương và địa phương dưới nhiều hình thức khác nhau cho cán bộ, công chức, viên chức<sup>38</sup>..., trong đó, yêu cầu việc tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật phòng, chống tra tấn và Công ước phải được tiến hành thường xuyên, liên tục, gắn với việc triển khai có hiệu quả pháp luật tố tụng hình sự.

*Thông tin cơ bản về các chương trình đào tạo có liên quan đến chống tra tấn.*

132. Các bộ, ngành có liên quan đã tổ chức các chương trình tập huấn, tuyên truyền cho các nhân viên hành pháp, tư pháp, y tế và các nhân sự khác về nội dung của Hiến pháp năm 2013, Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự, Luật thi hành án hình sự, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam, các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên... trong đó, đều lồng ghép các quy định pháp luật về tôn trọng và bảo vệ quyền con người, trong đó có quyền không bị tra tấn. Ngoài ra, mỗi bộ, ngành, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình, cũng đã tổ chức nhiều hội thảo, hội nghị, các chương trình đào tạo, hướng dẫn riêng cho các nhân viên của mình liên quan đến quyền con người và chống các hình thức tra tấn<sup>39</sup> như:

133. - Tòa án nhân dân tối cao tổ chức tọa đàm cho các thẩm phán, cán bộ tòa án về áp dụng pháp luật hình sự, tố tụng hình sự, trong đó, đã lồng ghép các quy định của Công ước vào buổi tọa đàm.

134. - Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã tổ chức Hội nghị trực tuyến toàn ngành tập huấn chuyên sâu các đạo luật mới liên quan đến hoạt động của Cơ quan điều tra thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, trong đó có tập huấn về phương pháp điều tra hình sự tại hiện trường các vụ chết người do bị bức cung, dùng nhục hình.

135. - Bộ Công an đã tổ chức nhiều hội thảo, hội nghị, lớp tập huấn, chương trình giảng dạy cho cán bộ, chiến sĩ có liên quan đến Công ước như:

---

<sup>37</sup> Xem Phụ lục 4

<sup>38</sup> Xem Phụ lục 13

<sup>39</sup> Xem Phụ lục 2

+ Hội nghị tập huấn chuyên sâu về nội dung Công ước chống tra tấn và pháp luật Việt Nam có liên quan trong toàn lực lượng Công an nhân dân cho hơn 800 cán bộ, chiến sĩ làm công tác điều tra, tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự, hỗ trợ tư pháp và lực lượng Công an xã. Trên cơ sở đó, Công an các đơn vị, địa phương tiến hành tổ chức các hội nghị tập huấn về Công ước tại địa phương mình như các hội nghị của Hà Nội, Đà Nẵng, Cần Thơ và nhiều địa phương khác.

+ Hội nghị tuyên truyền phổ biến, quán triệt những nội dung cơ bản của các đạo luật được Quốc hội khóa XIII thông qua tại Kỳ họp lần thứ 10 có liên quan trực tiếp đến quyền con người, quyền không bị tra tấn, bức cung, dùng nhục hình.

+ Các lớp tập huấn chuyên môn về chăm sóc, điều trị, đối xử, quản lý phạm nhân cho cán bộ, chiến sĩ lực lượng Cảnh sát hình sự, Cảnh sát phòng, chống ma túy, cán bộ làm các công tác y tế, cán bộ quản giáo, cán bộ giáo dục trong khối trại giam, trại tạm giam trên cả nước... Từ tháng 01/2011 đến tháng 12/2015, đã tổ chức 113 lớp tập huấn cho gần 6000 cán bộ, chiến sĩ có liên quan về nội dung “Can thiệp, giảm tác hại dự phòng lây nhiễm HIV, chống kỳ thị và phân biệt đối với người nhiễm HIV/AIDS”.

136. - Bộ Quốc phòng: hàng năm, các cơ quan tư pháp trong Quân đội đều tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ, chiến sĩ thuộc quyền, đặc biệt là cán bộ tiến hành tố tụng, cán bộ, chiến sĩ làm công tác giam giữ về các nội dung chống tra tấn theo quy định của Công ước và pháp luật Việt Nam. Bộ Quốc phòng cũng đã ban hành Kế hoạch thực hiện Công ước trong Quân đội và Đề án tuyên truyền, phổ biến nội dung của Công ước và pháp luật Việt Nam về chống tra tấn. Trên cơ sở đó, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, đặc biệt là các cơ quan tư pháp trong Quân đội, lực lượng Bộ đội Biên phòng đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Công ước, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tiễn hoạt động của từng cơ quan, đơn vị.

137. - Bộ Tư pháp đã chủ trì, xây dựng Đề án tuyên truyền, phổ biến nội dung Công ước cho cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân. Hằng năm, trong công tác chỉ đạo, hướng dẫn về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên toàn quốc, Bộ Tư pháp luôn nhấn mạnh đến nội dung về quyền con người, trong đó có quyền không bị tra tấn, đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục. Trong năm 2015, Bộ Tư pháp đã tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ những người thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật có liên quan về quyền con người nói chung và quyền không bị tra tấn nói riêng.

138. - Bộ Y tế, trong quá trình xây dựng, lấy ý kiến, ban hành và thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về y tế luôn chú trọng vào trọng tâm nâng cao chất

lượng khám, chữa bệnh và các điều kiện bảo đảm về y tế để phục vụ người bệnh, không phân biệt, đối xử tình trạng pháp lý của người bệnh mà dựa trên y đức, y thuật và y đạo. Trong công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức phổ biến giáo dục pháp luật nói chung và pháp luật về y tế nói riêng, các đơn vị của Bộ Y tế luôn đề cập đến nội dung về quyền con người, quyền của người bệnh và trách nhiệm về nghề nghiệp, y đức của cán bộ, nhân viên y tế trong quá trình cung cấp dịch vụ y tế, trong đó có đề cập đến nội dung cấm đối xử vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người.

139. - Bộ Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với các đơn vị tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo về quyền con người và các công ước về quyền con người như Hội nghị báo chí truyền thông với quyền con người, Hội thảo nâng cao hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền thành tựu bảo đảm quyền con người ở Việt Nam; thông tin về các hội thảo, hội nghị về Công ước chống tra tấn do các Bộ, ngành tổ chức như Bộ Ngoại giao (2014), Bộ Công an (2016); biên soạn tài liệu và tổ chức tập huấn về vấn đề quyền con người, trung bình 2 lớp tập huấn/năm, mỗi lớp khoảng 100 học viên.

140. - Các cơ sở đào tạo: hiện nay, trên toàn quốc đã có một số cơ sở đào tạo thạc sĩ chuyên ngành về quyền con người như khoa Luật trường đại học Quốc gia Hà Nội, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Đối với trình độ đại học, cao đẳng, các học viện, nhà trường đào tạo luật như đại học Kiểm sát, đại học Luật Hà Nội, đặc biệt là các học viện, nhà trường thuộc Công an nhân dân, Quân đội nhân dân đã lồng ghép các nội dung về bảo vệ quyền con người nói chung và chống tra tấn, chống bức cung, dùng nhục hình nói riêng vào các chương trình giảng dạy cho các học viên<sup>40</sup>. Ngoài ra, các học viện, trường Công an nhân dân và các trung tâm, lớp bồi dưỡng nghiệp vụ điều tra dự kiến sẽ xây dựng Đề án giảng dạy kiến thức, pháp luật về chống tra tấn cho sinh viên, học viên các trường trong Công an nhân dân.

*Các chương trình đào tạo/huấn luyện nhằm đảm bảo việc đối xử phù hợp và tôn trọng đối với phụ nữ, trẻ vị thành niên và các nhóm dân tộc thiểu số, tôn giáo hoặc các nhóm khác.*

141. Pháp luật Việt Nam luôn ghi nhận và bảo đảm việc đối xử phù hợp và tôn trọng đối với phụ nữ, người chưa thành niên, người dân tộc thiểu số, được quy định tại các đạo luật cơ bản như Hiến pháp (các điều 5, 26, 36, 37, 58), Bộ luật hình sự (các điều 46, 48 Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); các Điều 51, 52 Bộ luật hình sự 2015), Bộ luật tố tụng hình sự (các điều 10, 63 Bộ

---

<sup>40</sup> Xem chi tiết tại Phụ lục 3

luật tố tụng hình sự 2003; các điều 15, 19, 26, 243, 260 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015), Luật thi hành án hình sự (các điều 4, 27, 29, 38, 43, 45, 111; mục 3), Luật thi hành tạm giữ, tạm giam (các điều 4, 18, 23, 28; Chương V). Để bảo vệ quyền của nhóm người này không chịu tác động của các hình thức tra tấn, các Bộ, ngành có liên quan đã tổ chức nhiều chương trình đào tạo, huấn luyện dưới nhiều hình thức khác nhau cho các cán bộ, chiến sĩ về việc đối xử phù hợp và tôn trọng đối với nhóm người này như:

142. - Tòa án nhân dân tối cao có chương trình hợp tác kỹ thuật về nhân quyền giữa Việt Nam và Ô-xtrây-li-a giai đoạn 2005-2015, trong đó đã có các hoạt động hợp tác với Ủy ban nhân quyền của Ô-xtrây-li-a nhằm tìm hiểu, chia sẻ kinh nghiệm của Ô-xtrây-li-a trong lĩnh vực bảo vệ quyền con người. Các hoạt động chủ yếu thực hiện theo mô hình học tập kinh nghiệm nước ngoài sau đó phổ biến cho các Thẩm phán, cán bộ tòa án tại các toạ đàm.

143. - Bộ Công an đã tổ chức nhiều chương trình đào tạo, huấn luyện, hội thảo, hội nghị tuyên truyền về Hiến pháp, Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự, Luật thi hành án hình sự, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam trong lực lượng Công an nhân dân cho hàng trăm cán bộ, chiến sĩ làm công tác điều tra, tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự, hỗ trợ tư pháp và lực lượng Công an xã, trong đó lồng ghép nội dung về cách thức đối xử với nhóm người này trong tất cả các giai đoạn liên quan đến công tác Công an... Các hội nghị đều yêu cầu cán bộ, chiến sĩ phải áp dụng mọi biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ những chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, những tình tiết tăng nặng và những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo là phụ nữ, người chưa thành niên, người già; đối xử phù hợp và tôn trọng đối với phụ nữ, người chưa thành niên, người già yếu phù hợp với quy định pháp luật như yêu cầu người phiên dịch, người dịch thuật trong trường hợp người tham gia tố tụng không sử dụng được tiếng Việt hoặc có tài liệu tố tụng không thể hiện bằng tiếng Việt; giam giữ riêng đối với phạm nhân nữ; phạm nhân nữ, phạm nhân là người chưa thành niên được bố trí làm những công việc phù hợp với giới tính, sức khỏe và độ tuổi; không làm các công việc nặng nhọc, độc hại.

144. - Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, trong quá trình tham gia xây dựng hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền, luôn đảm bảo tính bình đẳng, tôn trọng phụ nữ, trẻ vị thành niên và các nhóm dân tộc thiểu số, tôn giáo hoặc các nhóm yếu thế khác trong xã hội, phù hợp với các quy định pháp luật. Các quy định cho các nhóm đối tượng này có hình thức đãi ngộ tốt

hơn, yêu cầu điều kiện thấp hơn và quyền lợi đảm bảo tốt hơn, hình thức xử phạt cũng nhẹ hơn so với đối tượng bình thường khác. Ngoài ra, trong quá trình triển khai các chương trình, đề án như Đề án tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người nông dân và đồng bào dân tộc thiểu số, Kế hoạch hành động giới, các chương trình tuyên truyền cho ngư dân đều nhấn mạnh nguyên tắc này.

*Thông tin về các hoạt động tuyên truyền Công ước đã tiến hành trên thực tế.*

145. Đến nay, số Bộ, ngành, cơ quan, đơn vị đã ban hành Kế hoạch tuyên truyền Công ước là 58; hầu hết các bộ, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan đã tổ chức hội nghị chức tập huấn nội dung Công ước hoặc lồng ghép vào chương trình hội nghị tập huấn về nội dung các văn bản pháp luật khác có liên quan<sup>41</sup>.

### **Về thực hiện Điều 11**

*Hệ thống những nguyên tắc, chỉ thị, phương pháp và thông lệ cũng như việc bố trí giam giữ và đối xử với người bị bắt, tạm giữ, tạm giam hay phạt tù.*

146. Hiến pháp năm 2013 quy định các nguyên tắc cơ bản nhất để bảo đảm quyền con người, kể cả trong quá trình điều tra, xét hỏi và giam giữ (các điều 14, 16, 19 và 20).

147. Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và Bộ luật hình sự năm 2015 quy định mọi hành vi phạm tội phải được phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật; mọi người phạm tội đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt nam, nữ, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội; đối với người lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng, thì có thể áp dụng hình phạt nhẹ hơn hình phạt tù, giao họ cho cơ quan, tổ chức hoặc gia đình giám sát, giáo dục; đối với người bị phạt tù thì buộc họ phải chấp hành hình phạt tại các cơ sở giam giữ, phải lao động, học tập để trở thành người có ích cho xã hội; nếu họ có đủ điều kiện do Bộ luật hình sự quy định, thì có thể được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện... (Điều 3).

148. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định:

- Các nguyên tắc trong tố tụng hình sự như tôn trọng và bảo vệ các quyền công dân (Điều 4), bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân (Điều 6), bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm, tài sản của công dân (Điều 7), trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng (Điều 12).
- Pháp luật quy định rõ những việc mà điều tra viên phải làm và không được làm

---

<sup>41</sup> Xem chi tiết tại Phụ lục 13

trước khi hỏi cung, trong khi hỏi cung và sau khi hỏi cung bị can (các điều 131 và 132) như giải thích cho bị can biết rõ quyền và nghĩa vụ của họ; lập biên bản, trong đó phải ghi đầy đủ lời trình bày của bị can, các câu hỏi và câu trả lời.

149. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 mở rộng phạm vi đối tượng được bảo vệ, đảm bảo không bị tra tấn và đối xử vô nhân đạo so với Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003. Theo đó, đối tượng được bảo vệ không chỉ là công dân mà được mở rộng là mọi người như quy định tại Điều 8 về tôn trọng và bảo vệ các quyền cá nhân, Điều 10 về bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, Điều 11 về bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm, tài sản của cá nhân. Các nguyên tắc, trình tự, thủ tục tiến hành hỏi cung bị can trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (các điều 183 và 184) có sự kế thừa các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, tuy nhiên đã bổ sung một số quy định để hạn chế tối đa bức cung, dùng nhục hình, đặc biệt là quy định về ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh trong quá trình hỏi cung bị can.

150. Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015 quy định trong tổ chức điều tra hình sự, nghiêm cấm 05 nhóm hành vi, trong đó có 04 nhóm hành vi liên quan đến bảo vệ quyền của người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can (Điều 14), cụ thể là:

- Nghiêm cấm làm sai lệch hồ sơ vụ án; truy cứu trách nhiệm hình sự người không có hành vi phạm tội; không truy cứu trách nhiệm hình sự người có hành vi phạm tội đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự; ra quyết định trái pháp luật; ép buộc người khác làm trái pháp luật; làm lộ bí mật điều tra vụ án; can thiệp trái pháp luật vào việc điều tra vụ án hình sự;

- Nghiêm cấm bức cung, dùng nhục hình và các hình thức tra tấn hoặc đối xử, trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo, hạ nhục con người hay bất kỳ hình thức nào khác xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

- Nghiêm cấm cản trở người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can thực hiện quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa, trợ giúp pháp lý; quyền khiếu nại, tố cáo; quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất, tinh thần và phục hồi danh dự;

- Nghiêm cấm cản trở người bào chữa, người thực hiện trợ giúp pháp lý thực hiện việc bào chữa, trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật.

151. Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định về tạm giữ người theo thủ tục hành chính (Điều 122). Theo đó, cơ quan có chức năng phòng, chống vi phạm pháp luật mà thường xuyên phải tạm giữ người vi phạm hành chính cần bố



trí, thiết kế, xây dựng nhà tạm giữ hành chính hoặc buồng tạm giữ hành chính riêng, trong đó cần có nơi tạm giữ riêng cho người chưa thành niên, phụ nữ hoặc người nước ngoài và phải có cán bộ chuyên trách quản lý, bảo vệ. Nghiêm cấm việc giữ người vi phạm hành chính trong các phòng tạm giữ, phòng tạm giam hình sự hoặc những nơi không bảo đảm vệ sinh, an toàn cho người bị tạm giữ.

152. Luật thi hành án hình sự năm 2010 quy định:

- 8 nguyên tắc thi hành án hình sự (Điều 4) như tôn trọng nhân phẩm, quyền, lợi ích hợp pháp của người chấp hành án; thi hành án đối với người chưa thành niên chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành người có ích cho xã hội; kết hợp trừng trị và giáo dục cải tạo trong việc thi hành án; áp dụng biện pháp giáo dục cải tạo phải trên cơ sở tính chất và mức độ phạm tội, độ tuổi, giới tính, trình độ văn hoá và các đặc điểm nhân thân khác của người chấp hành án.

- 10 loại hành vi bị cấm trong thi hành án hình sự (Điều 9) được chia thành hai nhóm: nhóm thứ nhất là các hành vi nghiêm cấm đối với người phải chấp hành án và những người có liên quan, nhóm thứ hai là các hành vi bị nghiêm cấm đối với những người có thẩm quyền trong thi hành án hình sự.

- Trại giam tổ chức giam giữ phạm nhân như sau: khu giam giữ đối với phạm nhân có mức án tù trên 15 năm, tù chung thân, phạm nhân thuộc loại tái phạm nguy hiểm; khu giam giữ đối với phạm nhân có mức án tù từ 15 năm trở xuống; phạm nhân có mức án tù trên 15 năm nhưng có kết quả chấp hành án tốt, đã được giảm thời hạn chấp hành án phạt tù còn dưới 15 năm (khoản 1 Điều 27). Bố trí giam giữ riêng đối với: phạm nhân nữ, người chưa thành niên, người nước ngoài, người có bệnh truyền nhiễm đặc biệt nguy hiểm, có dấu hiệu bị bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình trong thời gian chờ quyết định của Tòa án; phạm nhân thường xuyên vi phạm nội quy, quy chế trại giam (khoản 2, Điều 27). Trong trại tạm giam, những phạm nhân nữ, phạm nhân thường xuyên vi phạm nội quy, quy chế trại giam được bố trí giam giữ riêng (khoản 3 Điều 27).

- Chế độ ăn, ở, mặc, tư trang, chăm sóc y tế, và hoạt động thể dục thể thao, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ của phạm nhân được quy định rõ ràng, bảo đảm các tiêu chuẩn cơ bản (mục 2 Chương III). Các quy định về chế độ với phạm nhân là người chưa thành niên được quy định tại mục 3 Chương III.

153. Luật thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 quy định:

- 5 nguyên tắc nhằm đảm bảo quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam đúng quy

định pháp luật, bảo đảm chính sách nhân đạo của Nhà nước Việt Nam (Điều 4); 7 nhóm hành vi bị nghiêm cấm trong thi hành tạm giữ, tạm giam (Điều 8); 10 nhóm quyền và 2 nhóm nghĩa vụ của người bị tạm giữ, tạm giam (Điều 9); kiểm soát hoạt động quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam (Điều 6); giám sát việc thực hiện chế độ giam giữ, tạm giam (Điều 7). Bên cạnh đó, nhà tạm giữ, trại tạm giam còn tăng cường các biện pháp cảm hóa, giáo dục và xử lý nghiêm khắc mọi trường hợp vi phạm nội quy buồng giam, chủ động phát hiện ngăn chặn và loại trừ các hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm của người bị tạm giữ, tạm giam. Việc giam, giữ được phân loại theo đúng quy định pháp luật<sup>42</sup>.

- Chế độ của người bị tạm giam, tạm giữ được quy định tại Chương IV<sup>43</sup>.

154. Nghị định số 89/1998/NĐ-CP ngày 07/11/1998 của Chính phủ ban hành quy chế về tạm giữ, tạm giam (Chương 4), Nghị định số 98/2002/NĐ-CP ngày 27/11/2002 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế về tạm giữ, tạm giam ban hành kèm theo Nghị định số 89/1998/NĐ-CP ngày 07/11/1998 và Nghị định số 09/2011/NĐ-CP ngày 25/01/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung chế độ ăn và khám, chữa bệnh đối với người bị tạm giữ, tạm giam quy định tại Điều 26 và Điều 28 của Quy chế về tạm giữ, tạm giam có quy định chi tiết, cụ thể chế độ của người bị tạm giữ, tạm giam<sup>44</sup>.

155. Nghị định số 117/2011/NĐ-CP ngày 15/12/2011 của Chính phủ quy định về tổ chức, quản lý phạm nhân và chế độ ăn, mặc, ở, sinh hoạt, chăm sóc y tế đối với phạm nhân (Chương 3) và Nghị định số 90/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2001/NĐ-CP ngày 15/12/2011 của Chính phủ quy định về tổ chức quản lý phạm nhân và chế độ ăn, mặc, ở, sinh hoạt, chăm sóc y tế đối với phạm nhân.

156. Nghị định số 112/2013/NĐ-CP quy định hình thức xử phạt trực xuất, biện pháp tạm giữ người, áp giải người vi phạm theo thủ tục hành chính và quản lý người nước ngoài vi phạm pháp luật Việt Nam trong thời gian làm thủ tục trực xuất, trong đó có quy định về thẩm quyền, thủ tục tạm giữ người theo thủ tục hành chính và quản lý người bị tạm giữ theo thủ tục hành chính (mục 1, chương 3).

157. Thông tư số 46/2011/TT-BCA ngày 30/6/2011 của Bộ Công an quy định việc phạm nhân gặp thân nhân; nhận, gửi thư, nhận tiền, quà và liên lạc điện thoại với thân nhân và Thông tư liên tịch số 12/2013/TTLT-BCA-BQP-BTC

---

<sup>42</sup> Xem thêm đoạn 57, 58

<sup>43</sup> Xem thêm đoạn 58

<sup>44</sup> Xem thêm đoạn 58

ngày 02/12/2013 hướng dẫn về chế độ lao động và sử dụng kết quả lao động, học nghề của phạm nhân trong trại giam.

158. Chế độ đối với phạm nhân, chế độ đối với người bị tạm giữ, tạm giam được quy định như sau:

- Chế độ đối với phạm nhân:

+ Chế độ ăn, ở, mặc, cấp phát tư trang: 17 kg gạo tẻ thường; 0,7 kg thịt, 0,8 kg cá; 0,5 kg đường loại trung bình; 01 kg muối; 15 kg rau xanh; 0,75 lít nước mắm... Chỗ nằm tối thiểu của mỗi phạm nhân là 02 mét vuông ( $2m^2$ ), có bệ gạch men, ván sàn hoặc giường... Mỗi năm phạm nhân được phát 02 bộ quần áo dài bằng vải thường theo mẫu thống nhất, 02 bộ quần áo lót, 02 khăn mặt, 02 chiếc chiếu, 02 đôi dép...

+ Chế độ chăm sóc y tế: chế độ ăn, cấp phát thuốc, bồi dưỡng do cơ sở chữa bệnh chỉ định theo bệnh lý và theo mức độ nặng, nhẹ của bệnh tật. Tiền thuốc chữa bệnh thông thường hàng ngày cho phạm nhân được cấp tương đương 02 kg gạo/01 người/01 tháng...

+ Chế độ lao động: phạm nhân được tổ chức lao động phù hợp với độ tuổi, sức khỏe; thời gian phạm nhân lao động và học tập, học nghề không quá 08 giờ trong 01 ngày, được nghỉ lao động các ngày thứ bảy, ngày chủ nhật, lễ, tết theo quy định của pháp luật...

+ Chế độ hoạt động thể dục, thể thao, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ: mỗi phân trại của trại giam được thành lập thư viện, khu vui chơi, sân thể thao, được trang bị một hệ thống truyền thanh, mỗi buồng giam tập thể được trang bị một máy vô tuyến truyền hình màu...

+ Chế độ gặp thân nhân, nhận quà, liên lạc: phạm nhân được gặp thân nhân một lần trong 01 tháng, mỗi lần gặp không quá 01 giờ, trường hợp đặc biệt thì được kéo dài thời gian nhưng không quá 03 giờ. Phạm nhân chấp hành nghiêm chỉnh nội quy, quy chế trại giam hoặc lập công thì được gặp vợ hoặc chồng ở phòng riêng không quá 24 giờ...

+ Về các chế độ khác: phạm nhân và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan có quyền khiếu nại đối với quyết định, hành vi của cơ quan, người có thẩm quyền thi hành án hình sự nếu có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình (khoản 1, Điều 150). Người khiếu nại có quyền được khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp đã bị xâm phạm, được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật (điểm e, khoản 1, Điều 154); được yêu cầu cơ quan có thẩm quyền bảo vệ khi bị đe dọa, trả thù

(điểm b, d, khoản 1, Điều 166)... Đối với người đồng tính, người lưỡng tính, người chuyển giới, pháp luật Việt Nam chưa có quy định về việc giam, giữ riêng.

+ Chế độ ăn, mặc, sinh hoạt, chăm sóc y tế đối với phạm nhân là người nước ngoài: phạm nhân là người nước ngoài được quản lý giam giữ riêng trong trại giam. Các chế độ về ăn, mặc, ở, sinh hoạt, chăm sóc y tế đối với phạm nhân là người nước ngoài được thực hiện như quy định đối với phạm nhân là người Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác.

- Chế độ đối với người bị tạm giữ, tạm giam:

+ Chế độ ăn, ở, đồ dùng cá nhân: 17 kg gạo thường, 0,7 kg thịt và 0,8 kg cá, 01 kg muối, 0,5 kg đường loại trung bình, 0,75 lít nước mắm, 0,1 kg bột ngọt, 15 kg rau xanh và 15 kg củi hoặc 17 kg than... Bình quân diện tích tối thiểu nơi giam, giữ đối với người bị tạm giữ, tạm giam là  $2m^2/1$  người, có bệ nằm bằng xi măng hoặc gạch men và có chiếu trải để nằm... Người bị tạm giữ, tạm giam được sử dụng quần áo, chăn, chiếu, màn của cá nhân, nếu thiếu thì Nhà tạm giữ, Trại tạm giam cho mượn theo tiêu chuẩn mỗi người gồm: 1 chiếu, 1 màn (loại cá nhân), 1 chăn, 1 đôi dép và 2 bộ quần áo dài...

+ Chế độ sinh hoạt: được nhận thư, sách, báo, tài liệu; được xem truyền hình, phát thanh, đọc báo; trung bình 20 người bị tạm giữ, tạm giam được cấp một số báo Nhân dân hoặc báo địa phương... Người nước ngoài bị giam, giữ tại nhà tạm giữ, trại tạm giam được nhận sách, báo bằng tiếng nước họ mang quốc tịch khi được cơ quan thụ lý vụ án cho phép...

- Chế độ đối với người bị tạm giữ theo thủ tục hành chính:

+ Chế độ ăn của người bị tạm giữ: trường hợp người bị tạm giữ hoặc gia đình họ không thể tự đảm bảo được, thì cơ quan, đơn vị của người có thẩm quyền quyết định tạm giữ có trách nhiệm bảo đảm chế độ ăn uống cho người bị tạm giữ theo tiêu chuẩn định lượng mỗi người một ngày là 0,6 kg gạo tẻ thường, 0,1 kg thịt lợn loại thường, 0,5 kg rau xanh, 01 lít nước uống được đun sôi để nguội, nước mắm, muối, chất đốt phù hợp... Cơ quan nơi tạm giữ có thể quyết định hoán đổi định lượng ăn nêu trên cho phù hợp với thực tế và khẩu vị của người bị tạm giữ để bảo đảm họ được ăn hết tiêu chuẩn.

+ Chế độ khác: người đang bị tạm giữ mà bị bệnh, được điều trị tại chỗ; trường hợp bệnh nặng hoặc phải cấp cứu thì cơ quan, đơn vị nơi tạm giữ có trách nhiệm đưa họ đến cơ sở y tế và báo ngay cho gia đình, thân nhân của họ biết để chăm sóc; trường hợp thân nhân, gia đình của họ có đơn đề nghị xin đưa về nhà để chăm sóc và xét thấy không thật cần thiết phải tiếp tục tạm giữ thì người có

thẩm quyền tạm giữ có thể quyết định chấm dứt việc tạm giữ trước thời hạn và cho họ về gia đình để chữa bệnh; trường hợp người bị tạm giữ không có nơi cư trú nhất định hoặc gia đình, thân nhân của họ ở xa không kịp đến để chăm sóc, thì cơ quan, đơn vị nơi tạm giữ họ trực tiếp đảm nhiệm việc chăm sóc...

*Đánh giá sơ bộ mức độ tương thích với các tiêu chuẩn của Liên hợp quốc.*

159. Các quy định của Việt Nam về công tác thi hành tạm giữ, tạm giam, quản lý và thi hành án hình sự về cơ bản tương thích với các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu về đối xử với tù nhân (1955); các nguyên tắc về bảo hộ cho người bị phạt tù hoặc dưới bất kỳ hình thức giam giữ nào (1988); quy tắc ứng xử cho các quan chức thực thi pháp luật (1979); các quy chuẩn tối thiểu của Liên hợp quốc trong quản lý tư pháp cho người chưa thành niên.

*Giới thiệu quy định về quy tắc đạo đức nghề nghiệp các ngành liên quan*

160. Ở Việt Nam, có quy định mang tính quy chuẩn chung nhằm định hướng về đạo đức, rèn luyện đạo đức đối với các cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng... là những người được giao thực hiện công quyền của Nhà nước hoặc khi thực hiện nhiệm vụ của mình có thể liên quan đến việc thực thi công quyền của Nhà nước. Các quy chuẩn này được quy định tại Luật cán bộ, công chức năm 2008 (các điều 15, 16, 17, 18, 19, 20); Luật viên chức năm 2010 (các điều 16, 17, 18, 19); Luật Công an nhân dân năm 2014 (các điều 30, 31); Luật sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam năm 1999 (sửa đổi, bổ sung một số điều các năm 2008 và 2014) (các điều 4, 12); Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 (các điều 67, 76, 77, 85, 89, 92, 93); Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 (các điều 59, 73, 75, 83, 84, 85, 89, 90); Nghị định số 56/2015/NĐ-CP về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức (khoản 2 Điều 3, điểm a khoản 1, điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 4)<sup>45</sup>. Cụ thể, đối với một số ngành có trách nhiệm trực tiếp trong việc triển khai Công ước như sau:

161. *Tòa án*

Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 quy định như sau:

- Thẩm phán có nghĩa vụ, trách nhiệm xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật (Điều 9). Thẩm phán phải là người có phẩm chất đạo đức tốt, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có tinh thần dũng cảm và kiên quyết bảo vệ công lý, liêm khiết và trung thực; có trình độ cử nhân luật trở lên; đã được đào tạo nghiệp vụ xét xử (Điều 67); độc lập, vô tư, khách quan, bảo vệ công lý trong xét xử; chịu trách

---

<sup>45</sup> Xem thêm Phụ lục 9

nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và các quyết định của mình... (Điều 76).

- Hội thẩm phải là những người có phẩm chất đạo đức tốt, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có uy tín trong cộng đồng dân cư, có tinh thần dũng cảm và kiên quyết bảo vệ công lý, liêm khiết và trung thực; có kiến thức pháp luật; có hiểu biết xã hội (Điều 85). Hội thẩm phải độc lập, vô tư, khách quan trong xét xử, góp phần bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, cá nhân (Điều 89).

- Thư ký Tòa án chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Chánh án Tòa án về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình (Điều 92).

- Thẩm tra viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Chánh án Tòa án về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình; nếu có hành vi vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của luật (Điều 93).

#### 162. *Kiểm sát*

- Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động khác của Viện kiểm sát nhân dân phải tôn trọng và chịu sự giám sát của nhân dân; nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp, pháp luật, quy định của Viện kiểm sát nhân dân (Điều 59, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014).

- Kiểm sát viên phải là người có phẩm chất đạo đức tốt, liêm khiết, trung thực, bản lĩnh chính trị vững vàng; có trình độ cử nhân luật trở lên; được đào tạo về nghiệp vụ kiểm sát; nghiêm cấm kiểm sát viên tư vấn cho người bị bắt, bị tạm giữ, bị can, bị cáo, đương sự hoặc người tham gia tố tụng khác làm cho việc giải quyết vụ án, vụ việc không đúng quy định của pháp luật; tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, tận tụy phục vụ nhân dân; đấu tranh không khoan nhượng với mọi tội phạm và vi phạm pháp luật; kiên quyết bảo vệ Hiến pháp, pháp luật, lẽ phải và công bằng xã hội; công minh, chính trực, khách quan, thận trọng, khiêm tốn (các điều 75, 84, 85 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014)...

- Kiểm tra viên phải là người có phẩm chất đạo đức tốt, liêm khiết, trung thực; có bản lĩnh chính trị vững vàng; có tinh thần kiên quyết bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa (Điều 2, Nghị quyết 924/2015/UBTVQH13 ngày 13/5/2015).

#### 163. *Công an*

- Luật Công an nhân dân năm 2014 quy định: sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân phải trung thực, dũng cảm, cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu; tôn trọng

và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân... (Điều 30); nghiêm cấm sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân (Điều 31). Nếu vi phạm kỷ luật, vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân, công nhân công an bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại cho sức khỏe, tính mạng của người khác, tài sản hoặc lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật (Điều 42).

- Điều tra viên<sup>46</sup> phải là người có phẩm chất đạo đức tốt, liêm khiết và trung thực (Điều 30 Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004; Điều 46 Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015); nghiêm cấm bức cung, mớm cung hoặc dùng nhục hình dưới bất kỳ hình thức nào (điểm e khoản 2 Điều 31 Thông tư số 28/2014/TT-BCA năm 2014 của Bộ Công an quy định chi tiết về công tác điều tra hình sự trong Công an nhân dân).

- Luật thi hành án hình sự năm 2010 quy định cấm nhận hối lộ, sách nhiễu trong thi hành án hình sự; cấm lợi dụng chức vụ, quyền hạn để đề nghị miễn, giảm, hoãn, tạm đình chỉ thời hạn chấp hành án cho người không đủ điều kiện được miễn, giảm, hoãn, tạm đình chỉ... (Điều 9).

#### 164. *Quân đội*

- Tiêu chuẩn chung đối với sĩ quan được quy định tại Điều 12 Luật sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam năm 1999, sửa đổi, bổ sung các năm 2008 và 2014; tiêu chuẩn đối với điều tra viên trong Quân đội được quy định tại Điều 30 Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004, Điều 46 Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015; tiêu chuẩn đối với kiểm sát viên trong Quân đội được quy định tại Điều 75 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014; tiêu chuẩn đối với thẩm phán trong Quân đội được quy định tại Điều 67 Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014... Các cán bộ, chiến sĩ, y sĩ, bác sĩ thực thi nhiệm vụ tại các cơ quan của Quân đội có liên quan đều phải tuân theo quy tắc đạo đức, nghề nghiệp của cán bộ, công chức, sĩ quan nói chung.

#### 165. *Y tế*

Các sinh viên Y khoa, cán bộ y tế của Việt Nam phải:

- Tuân thủ nguyên tắc trong hành nghề khám bệnh, chữa bệnh là phải bình đẳng,

---

<sup>46</sup> Gồm điều tra viên trong các cơ quan điều tra thuộc Công an nhân dân, Quân đội nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân tối cao

công bằng và không kỳ thị, phân biệt đối xử đối với người bệnh; tôn trọng quyền của người bệnh; nghiêm cấm người hành nghề chữa bệnh vi phạm quyền của người bệnh; không tuân thủ các quy định chuyên môn kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh; lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong quá trình khám bệnh, chữa bệnh; lạm dụng nghề nghiệp để xâm phạm danh dự, nhân phẩm, thân thể người bệnh... (các điều 3, 6 của Luật khám, chữa bệnh năm 2009).

- Tuân thủ quy định về ứng xử của công chức, viên chức y tế khi thi hành công vụ, nhiệm vụ được giao; ứng xử của công chức, viên chức y tế đối với đồng nghiệp; ứng xử của công chức, viên chức y tế đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân; ứng xử của công chức, viên chức y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (các điều 3, 4, 5, 6 Thông tư số 07/2014/TT-BYT ngày 25/02/2014 của Bộ Y tế).

- Tuân thủ các quy định về đạo đức hành nghề y như tôn trọng pháp luật và thực hiện nghiêm túc các quy chế chuyên môn; tôn trọng quyền được khám bệnh chữa bệnh của nhân dân; không được phân biệt đối xử người bệnh; không vì lợi ích cá nhân mà giao cho người bệnh thuốc kém phẩm chất, thuốc không đúng với yêu cầu và mức độ bệnh...(các điều 2, 3, 5, 11 của Quy định về y đức ban hành kèm theo Quyết định số 2088/BYT-QĐ ngày 06/11/1996 của Bộ trưởng Bộ Y tế).

#### 166. *Kiểm lâm*

Công chức Kiểm lâm khi thi hành công vụ phải chấp hành quy định chung của pháp luật về cán bộ, công chức và các quy định liên quan đến bảo vệ và phát triển rừng. Công chức kiểm lâm không thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn được giao phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật (khoản 2 Điều 12 Nghị định số 119/2006/NĐ-CP ngày 16/10/2006 về tổ chức và hoạt động của Kiểm lâm).

#### 167. *Kiểm ngư*

Công chức, viên chức Kiểm ngư khi thi hành công vụ phải chấp hành quy định chung của pháp luật về cán bộ, công chức và các quy định liên quan đến bảo vệ nguồn lợi thủy sản, tài nguyên và môi trường biển. Quyền hạn, trách nhiệm của Kiểm ngư viên được quy định tại Điều 8, Chương III, Nghị định số 102/2012/NĐ-CP ngày 29/11/2012 về tổ chức và hoạt động của Kiểm ngư.

#### 168. *Hải quan*

Công chức Hải quan bị nghiêm cấm “Gây phiền hà, khó khăn trong việc làm thủ tục hải quan; bao che, thông đồng để buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, gian lận thương mại, gian lận thuế; nhận hối lộ, chiếm dụng, biển thủ



hàng hóa tạm giữ hoặc thực hiện hành vi khác nhằm mục đích vụ lợi; hành vi khác vi phạm pháp luật về hải quan” (khoản 1 Điều 10 Luật hải quan năm 2014).

*Các quy định nhằm bảo đảm luật sư, bác sĩ, các thành viên gia đình nhanh chóng được thông báo, tiếp cận và thông báo lãnh sự trong trường hợp là công dân của nước ngoài.*

169. Pháp luật Việt Nam quy định về thông báo cho các thành viên gia đình về việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt người trong Bộ luật tố tụng hình sự<sup>47</sup>. Việc mời người bào chữa, chỉ định, lựa chọn, thay đổi người bào chữa... cũng được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự như sau:

- Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định về người bào chữa tại các điều 56, 57, 58, theo đó, người bào chữa có thể là: luật sư; người đại diện hợp pháp của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo; bào chữa viên nhân dân. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã bổ sung quy định về người bào chữa, cụ thể như sau: người bào chữa là người được người bị buộc tội nhờ bào chữa hoặc cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng chỉ định và được cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng tiếp nhận việc đăng ký bào chữa. Chủ thể là người có thể bào chữa cũng được mở rộng, gồm cả trợ giúp viên pháp lý trong trường hợp người bị buộc tội thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý. Khái niệm và tiêu chuẩn Trợ giúp viên pháp lý được quy định tại Điều 3 và Điều 21 Luật trợ giúp pháp lý năm 2006. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 cũng bổ sung quy định về tiêu chuẩn của bào chữa viên nhân dân (Điều 72).

- Để bảo đảm quyền con người, pháp luật Việt Nam quy định người bị tạm giữ, bị can, bị cáo hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền lựa chọn và thay đổi người bào chữa (Điều 57 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003; các điều 75 và 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015); trường hợp người tham gia tố tụng không sử dụng được tiếng Việt thì các cơ quan có thẩm quyền sẽ yêu cầu người phiên dịch (Điều 61 Bộ luật tố tụng hình sự 2003). Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định mở rộng hơn so với Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về trường hợp chỉ định người bào chữa, theo đó bị can, bị cáo về tội mà Bộ luật hình sự quy định mức cao nhất của khung hình phạt là 20 năm tù, tù chung thân mà không mời người bào chữa thì các cơ quan có thẩm quyền phải chỉ định người bào chữa cho họ (Điều 76); về trường hợp yêu cầu người phiên dịch, người dịch thuật, theo đó, trường hợp người tham gia tố tụng không sử dụng được tiếng Việt hoặc có tài liệu tố tụng không thể hiện bằng tiếng Việt thì cơ quan có thẩm quyền yêu cầu người phiên dịch, người dịch thuật (Điều 70).

---

<sup>47</sup> Xem thêm các đoạn 53, 54, 112, 113, 114

- Bộ luật tố tụng hình sự cũng quy định cụ thể về quyền của người bào chữa:

+ Được quyền tham gia tố tụng từ khi khởi tố bị can. Trong trường hợp bắt người trong trường hợp khẩn cấp hoặc bắt người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã thì người bào chữa tham gia tố tụng từ khi có quyết định tạm giữ (khoản 1, Điều 58 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003). Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 có quy định thêm trường hợp bắt, tạm giữ người thì người bào chữa tham gia tố tụng từ khi người bị bắt có mặt tại trụ sở của cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hoặc từ khi có quyết định tạm giữ (Điều 74).

+ Người bào chữa có 10 nhóm quyền như có mặt khi lấy lời khai của người bị tạm giữ, khi hỏi cung bị can; xem các biên bản về hoạt động tố tụng có sự tham gia của mình và các quyết định tố tụng liên quan đến người mà mình bào chữa; gặp người bị tạm giữ; gặp bị can, bị cáo đang bị tạm giam; khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng... (khoản 2 Điều 58 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003). Trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, quyền của người bào chữa được mở rộng, quy định chi tiết hơn và nâng lên thành 14 nhóm quyền như có mặt trong hoạt động đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói và hoạt động điều tra khác; đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thu thập chứng cứ, giám định bổ sung, giám định lại, định giá lại tài sản... (khoản 1 Điều 73).

170. Quy định về việc khám, chữa bệnh:

- Trại tạm giam được tổ chức bệnh xá để khám và chữa bệnh cho người đang bị giam, giữ; trại tạm giam thuộc Công an thành phố Hà Nội và Công an thành phố Hồ Chí Minh được tổ chức bệnh viện để khám, chữa bệnh cho người đang bị giam, giữ ở các trại tạm giam, nhà tạm giữ theo quy định của Bộ Công an và Bộ Y tế (Điều 14, Nghị định số 89/1998/NĐ-CP ngày 07/11/1998 ban hành Quy chế về tạm giữ, tạm giam). Trường hợp người bị tạm giữ, tạm giam bị ốm đau, bệnh tật, thương tích nặng vượt quá khả năng khám và điều trị của cán bộ y tế nhà tạm giữ, trại tạm giam thì trưởng nhà tạm giữ, giám thị trại tạm giam thông báo với cơ quan đang thụ lý vụ án, đồng thời làm các thủ tục chuyển họ đến cơ sở y tế ở ngoài để điều trị và tổ chức canh giữ họ. Chi phí khám và chữa bệnh do nhà tạm giữ, trại tạm giam thanh toán với cơ sở y tế (khoản 2 Điều 1 Nghị định số 09/2011/NĐ-CP ngày 25/01/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung chế độ ăn và khám, chữa bệnh đối với người bị tạm giữ, tạm giam quy định tại Điều 26 và Điều 28 của Quy chế về tạm giữ, tạm giam).

- Luật thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 quy định người bị tạm giữ, người bị

tạm giam được hưởng chế độ khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch bệnh. Trường hợp bị ốm đau, bệnh tật, thương tích thì được khám và điều trị tại cơ sở y tế của cơ sở giam giữ; nếu bị bệnh nặng hoặc thương tích vượt quá khả năng của cơ sở giam giữ thì được chuyển đến cơ sở chữa bệnh cấp huyện, cấp tỉnh, bệnh viện quân đội hoặc bệnh viện trung ương khám, điều trị. Cơ sở giam giữ phải thông báo cho thân nhân hoặc đại diện hợp pháp của người đó biết để phối hợp chăm sóc, điều trị (Điều 30).

171. Quy định về thông báo lãnh sự cũng được quy định đầy đủ, chi tiết trong pháp luật Việt Nam<sup>48</sup>.

172. Như vậy, các quy định hiện hành của Việt Nam cơ bản tương thích với các tiêu chuẩn của Liên hợp quốc trong lĩnh vực này.

*Các cơ quan hoặc cơ chế độc lập được thiết lập để kiểm tra, giám sát các trại giam và các cơ sở giam giữ.*

173. Quốc hội, Đại biểu Quốc hội: Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015 quy định Quốc hội có thẩm quyền xem xét báo cáo của Chính phủ về tình hình thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội và thành lập Ủy ban lâm thời để điều tra về một vấn đề nhất định và xem xét báo cáo kết quả điều tra của Ủy ban. Đại biểu Quốc hội có thẩm quyền giám sát việc thi hành pháp luật ở địa phương.

174. Viện kiểm sát nhân dân: Điều 4 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 quy định Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động tư pháp, được thực hiện ngay từ khi tiếp nhận và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình giải quyết vụ án hình sự, vụ án hành chính nhằm bảo đảm việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; việc giải quyết vụ án hình sự, vụ án hành chính; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp; các hoạt động tư pháp khác được thực hiện đúng quy định của pháp luật; việc bắt, tạm giữ, tạm giam, thi hành án phạt tù, chế độ tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù theo đúng quy định của pháp luật; quyền con người và các quyền, lợi ích hợp pháp khác của người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, người chấp hành án phạt tù không bị luật hạn chế phải được tôn trọng và bảo vệ.

175. Thanh tra Chính phủ, thanh tra của các bộ, ngành có cơ sở giam giữ: Luật thanh tra năm 2010 quy định Thanh tra Chính phủ có nhiệm vụ, quyền hạn thanh

---

<sup>48</sup> Xem thêm các đoạn 112, 113, 114

tra việc thực hiện chính sách, pháp luật và nhiệm vụ, quyền hạn của bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Thanh tra Bộ có nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật và nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của bộ.

176. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên: Ban thanh tra nhân dân được thành lập ở xã, phường, thị trấn do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn hướng dẫn tổ chức, chỉ đạo hoạt động. Ban thanh tra nhân dân có nhiệm vụ giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, việc thực hiện pháp luật về dân chủ ở cơ sở của cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm ở xã, phường, thị trấn, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước.

177. Quy định về thị sát quốc tế hoặc thị sát của các tổ chức phi chính phủ (NGOs) vào các trại giam: pháp luật Việt Nam không có quy định cụ thể, tuy nhiên, Việt Nam cho phép thăm gặp, tiếp xúc lãnh sự và cũng đã cho phép một số đoàn nước ngoài vào thăm một số trại giam trong khuôn khổ trao đổi kinh nghiệm, tăng cường năng lực quản lý. Tại Điều 4 của Nghị định thư không bắt buộc bổ sung Công ước yêu cầu quốc gia thành viên cho phép Tiểu ban chống tra tấn vào thăm thực địa bất cứ nơi nào trong lãnh thổ quốc gia có báo cáo về tra tấn, kể cả tại các nơi tạm giữ, tạm giam hay trại giam. Hiện nay, Việt Nam hiện chưa phê chuẩn Nghị định thư không bắt buộc bổ sung Công ước nên chưa bị ràng buộc về nội dung này.

#### *Quy định pháp luật và điều kiện thực tế của các cơ sở giam giữ*

178. Việt Nam hiện có 53 trại giam, 82 trại tạm giam, 734 nhà tạm giữ và 224 buồng tạm giữ ở các đồn biên phòng. Tất cả các cơ sở này đều phải tuân thủ các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ.

179. Đối với trại giam, quy mô giam giữ phạm nhân tại mỗi trại giam thuộc Bộ Công an có quy mô giam giữ từ 2.000 phạm nhân đến 5.000 phạm nhân. Mỗi trại giam được thành lập một số phân trại trại giam, mỗi phân trại có quy mô giam giữ nhiều nhất là 1.000 phạm nhân. Quy mô giam giữ phạm nhân tại mỗi trại giam thuộc Bộ Quốc phòng nhiều nhất là 500 phạm nhân. Trại giam phải được bảo vệ nghiêm ngặt và an toàn, có lực lượng vũ trang bảo vệ, tuần tra, canh gác 24/24 giờ. Các buồng giam phải được xây dựng chắc chắn, có đủ ánh sáng và bảo đảm vệ sinh môi trường. Chỗ nằm tối thiểu của mỗi phạm nhân là 02 mét vuông ( $2m^2$ ), có bệ gạch men, ván sàn hoặc giường. Đối với phạm nhân có con nhỏ ở cùng thì được bố trí chỗ nằm tối thiểu là 03 mét vuông ( $3m^2$ ), có bệ gạch men, ván sàn hoặc giường. Mỗi phân trại trong trại giam, khu giam giữ phạm

nhân trong trại giam được trang bị 01 hệ thống loa truyền thanh, 01 hệ thống truyền hình cáp nội bộ; mỗi buồng giam tập thể dưới 30 phạm nhân được trang bị 01 máy vô tuyến truyền hình màu có kích thước 21 inch trở lên; buồng giam từ trên 30 phạm nhân được trang bị 01 máy vô tuyến truyền hình màu có kích thước màn hình từ 29 inch trở lên... (các điều 5, 6, khoản 4 Điều 8, khoản 2 Điều 9, khoản 2 Điều 12, khoản 2 Điều 14 Nghị định số 117/2011/NĐ-CP ngày 15/12/2011 của Chính phủ quy định về tổ chức, quản lý phạm nhân và chế độ ăn, mặc, ở, sinh hoạt, chăm sóc y tế đối với phạm nhân).

180. Đối với trại tạm giam, nhà tạm giữ:

- Nghị định số 89/1998/NĐ-CP ngày 7/11/1998 của Chính phủ ban hành quy chế về tạm giữ, tạm giam (các điều 6, 13, 14, 27) và Nghị định số 98/2002/NĐ-CP ngày 27/11/2002 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tạm giữ, tạm giam ban hành kèm theo Nghị định số 89/1998/NĐ-CP (Điều 1) quy định:

+ Nhà tạm giữ có một số buồng tạm giam và phải treo biển “Buồng tạm giam”. Nhà tạm giữ được tổ chức một bếp ăn, có đủ dụng cụ cần thiết.

+ Trại tạm giam được thiết kế, xây dựng kiên cố, có đủ ánh sáng bảo đảm vệ sinh môi trường và sức khỏe cho người bị tạm giam, tạm giữ, an toàn phòng cháy, chữa cháy, phù hợp với đặc điểm khí hậu của từng địa phương và yêu cầu an toàn của công tác quản lý giam, giữ. Trại tạm giam được tổ chức bệnh xá hoặc bệnh viện để khám và chữa bệnh cho người đang bị giam, giữ.

+ Buồng tạm giữ ở Đoàn biên phòng do Đoàn trưởng Đoàn biên phòng trực tiếp quản lý. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn trưởng Đoàn biên phòng trong việc quản lý tạm giữ được thực hiện như quy định đối với Trưởng Nhà tạm giữ. Chế độ đối với người bị tạm giữ và chế độ quản lý tạm giữ của Buồng tạm giữ ở đồn biên phòng được thực hiện theo các quy định tại Quy chế về tạm giữ, tạm giam. Những đồn biên phòng không có buồng tạm giữ khi cần tạm giữ người có dấu hiệu phạm tội theo thẩm quyền được pháp luật quy định thì Chỉ huy đồn biên phòng phải cử người dẫn giải họ đến Nhà tạm giữ, Trại tạm giam gần nhất để tạm giữ theo quy định.

- Luật thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 (các điều 14, 27, 31) quy định chi tiết, tiến bộ và yêu cầu cao hơn về cơ sở vật chất đối với nhà tạm giữ, trại tạm giam, cụ thể như:

+ Yêu cầu nhà tạm giữ phải có các buồng tạm giữ, buồng tạm giam, buồng kỷ luật và buồng quản lý phạm nhân và có thể có các công trình phục vụ sinh hoạt, chăm

sóc y tế, giáo dục người bị tạm giữ, người bị tạm giam, thi hành án phạt tù.

+ Trại tạm giam được chia thành phân trại tạm giam, khu giam giữ, buồng tạm giam, buồng tạm giữ, buồng giam người đang chờ chấp hành án phạt tù, buồng giam người bị kết án tử hình, buồng kỷ luật, phân trại quản lý phạm nhân; được thiết kế, xây dựng kiên cố, đủ ánh sáng, bảo đảm sức khỏe của người bị tạm giữ, người bị tạm giam, vệ sinh môi trường, an toàn phòng cháy, chữa cháy, phù hợp với đặc điểm khí hậu của từng địa phương và yêu cầu công tác quản lý giam giữ; có các công trình phục vụ việc quản lý giam giữ, sinh hoạt, chăm sóc y tế, giáo dục người bị tạm giữ, người bị tạm giam, thi hành án phạt tù...

*Các cơ chế kiểm tra, giám sát hành vi của cán bộ chịu trách nhiệm thẩm vấn và canh giữ người bị giam, giữ.*

181. Theo quy định của pháp luật Việt Nam, cán bộ chịu trách nhiệm quản lý người bị giam, giữ trong các cơ sở giam giữ phải chịu sự giám sát của các cơ quan, người có thẩm quyền sau: Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Viện kiểm sát nhân dân các cấp. Ngoài ra, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định về ghi âm, ghi hình có âm thanh trong hoạt động hỏi cung bị can để thuận tiện cho việc kiểm tra, giám sát của các cơ quan có thẩm quyền<sup>49</sup>; đồng thời, có thể phải chịu sự kiểm tra, thanh tra của các cơ quan thanh tra hành chính hoặc thanh tra chuyên ngành theo quy định của Luật thanh tra năm 2010.

182. Hiến pháp năm 2013, Luật hoạt động giám sát của Quốc hội năm 2015 quy định chức năng giám sát của Quốc hội đối với toàn bộ hoạt động của bộ máy nhà nước (Điều 1); đại biểu Quốc hội chịu trách nhiệm và báo cáo về hoạt động giám sát của mình trước cử tri tại địa phương thông qua hoạt động tiếp xúc cử tri (khoản 5 Điều 6).

183. Hiến pháp năm 2013 quy định Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; giám sát, phản biện xã hội... (Điều 9). Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015 quy định nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử và cán bộ, công chức nhà nước (Điều 2). Hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là giám sát mang tính nhân dân, hỗ trợ cho công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra của Nhà nước (khoản 1 Điều 12); các hình thức giám sát gồm: động viên nhân dân thực hiện quyền giám sát, tham gia hoạt động giám sát với cơ quan quyền lực nhà nước, thông qua hoạt động của mình, tổng hợp ý kiến của nhân dân và các thành viên của Mặt trận, kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý những trường hợp vi phạm pháp luật (khoản 2

---

<sup>49</sup> Xem thêm đoạn 47, 149

Điều 12).

184. Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 quy định:

- Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát hoạt động tư pháp trong tất cả các hoạt động, từ khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự cũng như kiểm sát tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự (Chương II). Viện kiểm sát nhân dân có trách nhiệm phối hợp, đồng thời, kiểm sát chặt chẽ, thường xuyên đối với cơ quan điều tra, tòa án, cơ quan thi hành án và các cơ quan khác trong việc thực hiện hoạt động tư pháp, những cơ quan có hoạt động liên quan chặt chẽ, mật thiết với quyền con người (các điều 4, 8). Viện kiểm sát nhân dân phải bảo đảm mọi hành vi phạm tội, người phạm tội phải được phát hiện, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử kịp thời, nghiêm minh, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không làm oan người vô tội, không để lọt tội phạm và người phạm tội; không để người nào bị khởi tố, bị bắt, tạm giữ, tạm giam, bị hạn chế quyền con người, quyền công dân trái luật (khoản 2 Điều 3).

- Viện kiểm sát nhân dân được hủy bỏ quyết định tố tụng trái luật, kháng nghị bản án, quyết định của tòa án, trong trường hợp phát hiện oan, sai, bỏ lọt tội phạm, người phạm tội... (khoản 3 Điều 3); kháng nghị hành vi, quyết định của cơ quan và cá nhân có thẩm quyền khác trong hoạt động tư pháp có vi phạm pháp luật nghiêm trọng, xâm phạm quyền con người, quyền công dân (khoản 1 Điều 5).

### **Về thực hiện Điều 12**

*Nghĩa vụ tiến hành ngay một cuộc điều tra công bằng khi có lý do để tin rằng có một hành vi tra tấn hoặc trừng phạt hoặc đối xử tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người đã được thực hiện*

185. Theo quy định tại Điều 18 Luật tố cáo năm 2011, việc giải quyết tố cáo được thực hiện theo trình tự sau đây: (i) Tiếp nhận, xử lý thông tin tố cáo; (ii) Xác minh nội dung tố cáo; (iii) Kết luận nội dung tố cáo; (iv) Xử lý tố cáo của người giải quyết tố cáo; (v) Công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết tin báo, tố giác tội phạm được quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2013/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC như sau: khi tiếp nhận thông tin liên quan đến tội phạm, cơ quan điều tra trong Công an nhân dân, Quân đội nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân phải tiến hành phân loại, xác minh sơ bộ ban đầu và chuyển ngay cho các đơn vị có thẩm quyền để giải quyết. Trong khoảng thời gian từ năm 2010 đến năm 2015, các cơ quan chức năng của Việt Nam đã tiếp

nhận nhiều tin tố giác, tin báo có dấu hiệu về tội bức cung, dùng nhục hình<sup>50</sup>.

186. Thời hạn điều tra, gia hạn điều tra: Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 (Điều 119) và Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (Điều 172) quy định thời hạn điều tra vụ án hình sự không quá 02 tháng đối với tội phạm ít nghiêm trọng, không quá 03 tháng đối với tội phạm nghiêm trọng, không quá 04 tháng đối với tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng kể từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc điều tra. Trường hợp vụ án có tính chất phức tạp thì có thể gia hạn điều tra. Việc gia hạn điều tra được quy định chi tiết tại các Điều này.

187. Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Khi không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kết luận người bị buộc tội không có tội (Điều 13 Bộ luật tố tụng hình sự 2015).

188. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải áp dụng các biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của người bị buộc tội (Điều 15 Bộ luật tố tụng hình sự 2015). Mọi hoạt động điều tra phải tôn trọng sự thật, tiến hành khách quan, toàn diện và đầy đủ; phát hiện nhanh chóng, chính xác mọi hành vi phạm tội, làm rõ chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nguyên nhân, điều kiện phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa đối với việc giải quyết vụ án (Điều 19 Bộ luật tố tụng hình sự 2015).

189. Trong điều tra hình sự, một trong những nguyên tắc cơ bản là phải bảo đảm nhanh chóng, không để lọt tội phạm (Thông tư số 28/2014/TT-BCA ngày 07/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về công tác điều tra hình sự trong Công an nhân dân<sup>51</sup>).

*Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan tiến hành tố tụng của Việt Nam*

190. Cơ quan tiến hành tố tụng của Việt Nam gồm có: Tòa án, Viện kiểm sát và cơ quan điều tra (Điều 33 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003; Điều 34 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015). Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan này như sau:

---

<sup>50</sup> Xem thêm các đoạn 210, 211

<sup>51</sup> Xem Phụ lục 4



### 191. *Tòa án nhân dân*

- Hệ thống tổ chức Tòa án nhân dân được quy định cụ thể<sup>52</sup>.
- Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân (Điều 2); Tòa án nhân dân phải xét xử kịp thời, công bằng, công khai (Điều 11); đảm bảo chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm (Điều 6); xét xử theo nguyên tắc mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt dân tộc, giới tính, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần xã hội, địa vị xã hội; cá nhân, cơ quan, tổ chức đều bình đẳng trước Tòa án (Điều 12); bảo đảm cho những người tham gia tố tụng thực hiện quyền tranh tụng trong xét xử (Điều 13); bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo, quyền bảo vệ lợi ích hợp pháp của đương sự (Điều 14)<sup>53</sup>.

### 192. *Viện kiểm sát nhân dân*

- Hệ thống tổ chức của Viện kiểm sát nhân dân được quy định cụ thể<sup>54</sup>.
- Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 quy định chức năng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát (Điều 3); kiểm sát hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát (Điều 4); trách nhiệm phối hợp của Viện kiểm sát nhân dân với cơ quan điều tra, tòa án và các cơ quan khác (Điều 8); nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam (Điều 22); giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tạm giữ, tạm giam (Điều 23); trách nhiệm thực hiện yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị, quyết định của Viện kiểm sát nhân dân trong việc tạm giữ, tạm giam (Điều 24); nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi kiểm sát việc thi hành hình sự (Điều 25); trách nhiệm thực hiện yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị, quyết định của Viện kiểm sát nhân dân trong thi hành án hình sự (Điều 26)<sup>55</sup>...

### 193. *Cơ quan điều tra*

- Hệ thống tổ chức của Cơ quan điều tra được quy định cụ thể<sup>56</sup>.
- Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2006, 2009 quy định hoạt động điều tra phải tôn trọng sự thật, tiến hành một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ; phát hiện chính xác, nhanh chóng mọi hành vi phạm tội, làm rõ những chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, những tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của người có hành vi

<sup>52</sup> Xem đoạn 27 và Phụ lục 5

<sup>53</sup> Xem Phụ lục 5

<sup>54</sup> Xem đoạn 28 và Phụ lục 5

<sup>55</sup> Xem Phụ lục 5

<sup>56</sup> Xem các đoạn 29, 30 và Phụ lục 14

phạm tội, không làm oan người vô tội và không để lọt tội phạm (Điều 5).

- Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015 quy định hoạt động điều tra phải được thực hiện trên nguyên tắc tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm sự chỉ đạo, chỉ huy tập trung thống nhất, hiệu lực, hiệu quả; phân công, phân cấp rành mạch, chuyên sâu, tránh chồng chéo và được kiểm soát chặt chẽ; điều tra kịp thời, nhanh chóng, chính xác, khách quan, toàn diện, đầy đủ, không để lọt tội phạm và không làm oan người vô tội (Điều 3). Luật cũng quy định trực tiếp, rõ ràng các hành vi bị nghiêm cấm trong điều tra hình sự, trong đó có nghiêm cấm bức cung, dùng nhục hình và các hình thức tra tấn hoặc đối xử, trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo, hạ nhục con người hay bất kỳ hình thức nào khác xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân (Điều 14).

*Các thủ tục và các biện pháp có thể áp dụng đối với nghi can và bị hại trong quá trình điều tra.*

194. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định:

- Bị can trong quá trình điều tra được hưởng 8 nhóm quyền (khoản 2 Điều 49) gồm: (1) Được biết mình bị khởi tố về tội gì; (2) Được giải thích về quyền và nghĩa vụ; (3) Trình bày lời khai; (4) Đưa ra tài liệu, đồ vật, yêu cầu; (5) Đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; (6) Tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa; (7) Được nhận quyết định khởi tố; quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn; bản kết luận điều tra; quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ điều tra; quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án; bản cáo trạng, quyết định truy tố; các quyết định tố tụng khác theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; (8) Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

- Cùng với các quyền này, bị can phải có nghĩa vụ có mặt theo giấy triệu tập của cơ quan điều tra, viện kiểm sát; trong trường hợp vắng mặt không có lý do chính đáng thì có thể bị áp giải; nếu bỏ trốn thì bị truy nã (khoản 3 Điều 49). Ngoài ra, trong quá trình khởi tố bị can, hỏi cung bị can, bị can cũng có thể bị áp dụng một số biện pháp khác như tạm đình chỉ chức vụ bị can đang đảm nhiệm (Điều 128).

- Để kịp thời ngăn chặn tội phạm hoặc khi có căn cứ chứng tỏ bị can sẽ gây khó khăn cho việc điều tra, cơ quan có thẩm quyền tố tụng hoặc người có thẩm quyền theo quy định của Bộ luật này có thể áp dụng một trong những biện pháp ngăn chặn sau đây: bắt, tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm (Điều 79). Nội dung, trình tự, thủ tục của các biện pháp ngăn chặn được quy định chi tiết tại Chương VI Bộ luật này.

- Bị hại được hưởng 6 nhóm quyền cơ bản (khoản 2 Điều 51) gồm: (1) Đưa ra tài liệu, đồ vật, yêu cầu; (2) Được thông báo về kết quả điều tra; (3) Đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; (4) Đề nghị mức bồi thường và các biện pháp bảo đảm bồi thường; (5) Tham gia phiên toà, trình bày ý kiến, tranh luận tại phiên toà để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; (6) Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án về phần bồi thường cũng như về hình phạt đối với bị cáo.

- Bên cạnh các nhóm quyền này, người bị hại có nghĩa vụ phải có mặt theo giấy triệu tập của cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án; nếu từ chối khai báo mà không có lý do chính đáng thì có thể phải chịu trách nhiệm hình sự theo Điều 308 của Bộ luật hình sự (khoản 4 Điều 51), hoặc có thể bị áp dụng một số biện pháp xem xét dấu vết trên thân thể (Điều 152)...

195. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Mở rộng và quy định chi tiết hơn về 10 nhóm quyền của bị can trong quá trình điều tra (khoản 2 Điều 60) như: (1) Trình bày ý kiến, không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội; (2) Đọc, ghi chép bản sao tài liệu hoặc tài liệu được số hóa liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội hoặc bản sao tài liệu khác liên quan đến việc bào chữa kể từ khi kết thúc điều tra khi có yêu cầu; (3) Đề nghị giám định, định giá tài sản... Trường hợp không đồng ý với kết luận giám định có quyền trình bày ý kiến của mình về kết luận giám định; đề nghị giám định bổ sung hoặc giám định lại theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 214 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Mở rộng và quy định chi tiết hơn về:

+ Các biện pháp ngăn chặn được áp dụng đối với bị can bao gồm: giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam, bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm, cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh (Điều 109). Nội dung, trình tự, thủ tục của các biện pháp ngăn chặn được quy định chi tiết tại Mục I, Chương VII Bộ luật này.

+ Các biện pháp cưỡng chế được áp dụng đối với bị can bao gồm: áp giải, kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản (Điều 126). Nội dung, trình tự, thủ tục của các biện pháp cưỡng chế được quy định chi tiết tại Mục II, Chương VII Bộ luật này.

- Mở rộng quyền của bị hại lên thành 14 nhóm quyền như: (1) Tự bảo vệ, nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình; (2) Yêu cầu cơ quan có thẩm

quyền tiến hành tố tụng bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của mình, người thân thích của mình khi bị đe dọa... (khoản 2 Điều 62). Bị hại có nghĩa vụ có mặt theo giấy triệu tập của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; trường hợp cố ý vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan thì có thể bị dẫn giải; chấp hành quyết định, yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng (khoản 4 Điều 62).

*Các căn cứ khởi tố vụ án theo quy định pháp luật Việt Nam.*

196. Căn cứ khởi tố vụ án hình sự: chỉ được khởi tố vụ án khi đã xác định có dấu hiệu tội phạm. Việc xác định dấu hiệu tội phạm dựa trên những căn cứ: tố giác của cá nhân; tin báo của cơ quan, tổ chức, cá nhân; tin báo trên phương tiện thông tin đại chúng; cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trực tiếp phát hiện dấu hiệu tội phạm; người phạm tội tự thú (Điều 100 Bộ luật tố tụng hình sự 2003). Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã bổ sung một căn cứ để xác định dấu hiệu của tội phạm, đó là kiến nghị khởi tố của cơ quan nhà nước (Điều 143). Một hành vi được coi là tội phạm hay không phải căn cứ vào 4 yếu tố: (1) Tính trái pháp luật hình sự, (2) Tính nguy hiểm cho xã hội, (3) Tính phải chịu hình phạt và (4) Tính có lỗi, trong đó, dấu hiệu về tính nguy hiểm cho xã hội là dấu hiệu cơ bản, quan trọng, quyết định các dấu hiệu khác (Điều 8 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và 2015).

197. Khi nhận được thông tin về hành vi tra tấn đã được thực hiện, cơ quan có thẩm quyền phải xử lý thông tin, tiến hành điều tra theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003. Theo đó, trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày nhận được tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, Cơ quan điều tra trong phạm vi trách nhiệm của mình phải kiểm tra, xác minh nguồn tin và quyết định việc khởi tố hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Nếu thông tin có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải kiểm tra, xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn để giải quyết tố giác và tin báo có thể dài hơn, nhưng không quá hai tháng (Điều 103).

198. Theo quy định tại Điều 18 Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2006, 2009; Điều 30 Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015 thì cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao có thẩm quyền điều tra đối với các tội: bức cung (Điều 299), dùng nhục hình (Điều 298), mua chuộc hoặc cưỡng ép người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật (Điều 309) của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

*Tóm tắt và đánh giá một số vụ án nổi bật liên quan đến bức cung, nhục hình.*

199. Việt Nam không có nhiều vụ án liên quan đến bức cung, dùng nhục hình và mỗi vụ án phát hiện có bức cung, dùng nhục hình đều được xử lý nghiêm minh<sup>57</sup>.

200. Qua vụ án Lê Khắc Sáu (cán bộ thuộc đội Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phan Rang, Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận) bị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận kết án 05 năm tù về tội dùng nhục hình; vụ án Nguyễn Thân Thảo Thành, Nguyễn Minh Quyền, Phạm Ngọc Mẫn, Nguyễn Tấn Quang, Đỗ Như Huy (Công an thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên) bị Tòa án nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng tuyên phạm tội dùng nhục hình với mức án cao nhất đến 05 năm tù đã cho thấy, Việt Nam kiên quyết trừng trị mọi hành vi tra tấn, bức cung, dùng nhục hình; không bao che cho bất kỳ ai, kể cả những cán bộ công quyền xâm phạm quyền cơ bản của con người; đồng thời khẳng định cam kết mạnh mẽ của Việt Nam trong việc tôn trọng và bảo vệ quyền con người.

### **Về thực hiện Điều 13**

*Quy định của pháp luật Việt Nam về quyền khiếu nại, tố cáo và các biện pháp bảo vệ những người khiếu nại, tố cáo và các nhân chứng*

201. Hiến pháp năm 2013 quy định: “Mọi người có quyền khiếu nại, quyền tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Người bị thiệt hại có quyền được bồi thường về vật chất, tinh thần và phục hồi danh dự theo quy định của pháp luật. Nghiêm cấm việc trả thù người khiếu nại, tố cáo hoặc lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để vu khống, vu cáo hoặc làm hại người khác” (Điều 30).

202. Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) hình sự hóa hành vi xâm phạm quyền khiếu nại, tố cáo (Điều 132), theo đó, người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn cản trở việc khiếu nại, tố cáo, việc xét và giải quyết các khiếu nại, tố cáo hoặc việc xử lý người bị khiếu nại, tố cáo; hoặc có trách nhiệm mà cố ý không chấp hành quyết định của cơ quan có thẩm quyền xét và giải quyết các khiếu nại, tố cáo gây thiệt hại cho người khiếu nại, tố cáo thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm. Nếu trả thù người khiếu nại, tố cáo thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến năm năm. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ một năm đến năm năm.

203. Bộ luật hình sự năm 2015 tiếp tục có những thay đổi quy định về hành vi cấu thành tội phạm và hình phạt của tội xâm phạm quyền khiếu nại, tố cáo theo

---

<sup>57</sup> Xem Phụ lục 11

hướng tiến bộ hơn, cụ thể hơn và nghiêm khắc hơn, như sau: tăng hình phạt tù tối thiểu từ 03 tháng lên 06 tháng, hình phạt tù tối đa từ 05 năm lên 07 năm; bổ sung các hình thức định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự (Điều 166).

204. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định:

- Công dân, cơ quan, tổ chức có quyền khiếu nại, công dân có quyền tố cáo những việc làm trái pháp luật trong hoạt động tố tụng hình sự của các cơ quan và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự hoặc của bất cứ cá nhân nào thuộc các cơ quan đó. Cơ quan có thẩm quyền phải tiếp nhận, xem xét và giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các khiếu nại, tố cáo; thông báo bằng văn bản kết quả giải quyết cho người khiếu nại, tố cáo biết và có biện pháp khắc phục (Điều 31).

- Người khiếu nại được hưởng 05 nhóm quyền (khoản 1 Điều 326) như: được khiếu nại trong bất kỳ giai đoạn nào của quá trình giải quyết vụ án hình sự; được nhận văn bản trả lời về việc giải quyết khiếu nại; được khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp đã bị xâm phạm, được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Thẩm quyền và thời hạn giải quyết khiếu nại được quy định tại các điều từ 229 đến 233.

- Người tố cáo được hưởng 04 nhóm quyền (khoản 1 Điều 335) như yêu cầu giữ bí mật họ tên, địa chỉ, bút tích của mình; yêu cầu được thông báo kết quả giải quyết tố cáo; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng bảo vệ khi bị đe dọa, trù dập, trả thù. Thẩm quyền và thời hạn giải quyết tố cáo, trách nhiệm của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo được quy định tại Điều 337 và 338 Bộ luật này. Để bảo đảm các quyền này được thực hiện nghiêm túc, Bộ luật đã quy định quyền hạn của Viện kiểm sát khi kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự (Điều 339).

205. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 mở rộng chủ thể, quy định rõ hơn các quyền của người khiếu nại, tố cáo so với Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, cụ thể là thay chủ thể công dân thành cá nhân; tăng đảm bảo cho người khiếu nại, tố cáo thông qua việc nghiêm cấm việc trả thù người khiếu nại, tố cáo hoặc lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để vu khống người khác... (Điều 32).

206. Luật khiếu nại năm 2011 quy định việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại phải được thực hiện theo quy định của pháp luật, bảo đảm khách quan, công khai, dân chủ và kịp thời (Điều 4); nghiêm cấm cản trở, gây phiền hà cho người thực hiện quyền khiếu nại; đe dọa, trả thù, trù dập người khiếu nại... (Điều 6).

207. Luật tố cáo năm 2011 quy định việc giải quyết tố cáo phải kịp thời, chính xác, khách quan, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và thời hạn theo quy định

pháp luật; bảo đảm an toàn cho người tố cáo; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị tố cáo trong quá trình giải quyết tố cáo (Điều 4). Khi tiếp nhận, giải quyết tố cáo, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có trách nhiệm tiếp người tố cáo, tiếp nhận và giải quyết tố cáo theo đúng quy định của pháp luật; xử lý nghiêm minh người vi phạm... Nếu các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền này vi phạm thì phải bị xử lý nghiêm minh, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường, bồi hoàn theo quy định của pháp luật (Điều 5).

208. Luật thi hành án hình sự năm 2010 quy định về việc bảo đảm quyền khiếu nại, tố cáo những hành vi, quyết định trái pháp luật trong hoạt động thi hành án hình sự tại các điều 4, 150, 154... Để giám sát chặt chẽ việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, Luật cũng quy định Viện kiểm sát trực tiếp kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của các cơ quan có thẩm quyền (Điều 142).

209. Ngoài ra, các quy định về đảm bảo quyền khiếu nại và được giải quyết vụ việc một cách nhanh chóng và công bằng, cũng như nghĩa vụ bảo vệ những người khiếu nại, tố cáo và các nhân chứng chống lại sự ngược đãi hoặc đe dọa do việc khiếu nại, tố cáo hoặc cung cấp chứng cứ còn được quy định tại rất nhiều văn bản khác nhau như Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Luật Công an nhân dân năm 2014, Luật an ninh quốc gia năm 2004<sup>58</sup>.

*Tóm tắt một số vụ việc cụ thể đã xảy ra và hiệu quả của các quy định nêu trên.*

210. Từ năm 2011 đến 2015, Bộ Công an đã tiếp nhận 24 tin báo, tố giác liên quan đến tra tấn, bức cung, dùng nhục hình; đã giải quyết 16 vụ, đang giải quyết 08 vụ. Trong khi đó, từ năm 2010 đến 15/10/2016, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã tiếp nhận 82 tin báo, tố giác về tội phạm có dấu hiệu về tội bức cung, dùng nhục hình; đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự đối với 15 tố giác/25 bị can, ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự đối với 51 tố giác, đang xác minh 16 tin báo.

211. Nhiều tin báo, tố giác được kiểm tra, xác minh có dấu hiệu về tội bức cung, dùng nhục hình thì đều được điều tra, xét xử nghiêm minh, theo đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, cũng có rất nhiều tin báo, tố giác được kiểm tra, xác minh không có dấu hiệu về tội bức cung, dùng nhục hình như vụ việc ông Nguyễn Đức Thắng, ở Phù Ninh tỉnh Phú Thọ tố cáo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội có hành vi đánh đập, ép cung buộc ông Thắng nhận tội; vụ việc ông Nguyễn Văn Nam ở Xuân Trường, Nam Định tố cáo các ông Sỹ, Duy và một số cán bộ thuộc Công an huyện Xuân Trường có hành vi đánh đập, ép cung để khép ông vào tội chống người thi hành công vụ.

---

<sup>58</sup> Xem Phụ lục 4

## Về thực hiện Điều 14

*Cơ sở pháp lý về bồi thường cho các nạn nhân của hành vi tra tấn.*

212. Hiến pháp năm 2013 quy định: “Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Người bị thiệt hại có quyền được bồi thường về vật chất, tinh thần và phục hồi danh dự theo quy định của pháp luật” (khoản 2 Điều 30). Người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án trái pháp luật có quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất, tinh thần và phục hồi danh dự. Người vi phạm pháp luật trong việc bắt, giam, giữ, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án gây thiệt hại cho người khác phải bị xử lý theo pháp luật (khoản 5 Điều 31).

213. Bộ luật dân sự 2015 quy định: “Người nào có hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của người khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác” (Điều 584). Thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ bao gồm thiệt hại về vật chất và thiệt hại về tinh thần. Thiệt hại về vật chất là tổn thất vật chất thực tế xác định được, bao gồm tổn thất về tài sản, chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế, khắc phục thiệt hại, thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút. Thiệt hại về tinh thần là tổn thất về tinh thần do bị xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín và các lợi ích nhân thân khác của một chủ thể (Điều 361).

214. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định người bị oan, người bị thiệt hại do cơ quan hoặc người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra có quyền được bồi thường thiệt hại và phục hồi danh dự, quyền lợi. Cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự đã làm oan, gây thiệt hại phải bồi thường thiệt hại và phục hồi danh dự, quyền lợi cho người bị oan, người bị thiệt hại; người đã gây thiệt hại có trách nhiệm bồi hoàn cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật (các điều 29, 30).

215. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định cụ thể hơn các chủ thể được bồi thường bao gồm: người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án oan, trái pháp luật (Điều 31).

216. Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước năm 2009 quy định người bị thiệt hại có quyền yêu cầu cơ quan có trách nhiệm bồi thường giải quyết việc bồi thường (Điều 4), được thể hiện thông qua 4 nhóm quyền cơ bản sau: (1) Yêu cầu Nhà nước bồi thường thiệt hại, khôi phục danh dự theo quy định của Luật này; (2) Được cơ quan có trách nhiệm bồi thường hoặc tòa án giải quyết và thông báo



việc giải quyết bồi thường; (3) Khiếu nại, kháng cáo bản án, quyết định của tòa án theo quy định của pháp luật tố tụng; (4) Yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của mình (Điều 9). Đối với các cơ quan có trách nhiệm bồi thường phải tiếp nhận, thụ lý đơn yêu cầu bồi thường của người bị thiệt hại; xác minh thiệt hại, thương lượng với người bị thiệt hại, ra quyết định giải quyết bồi thường; thực hiện việc chi trả cho người bị thiệt hại và quyết toán kinh phí bồi thường; khôi phục hoặc đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của người bị thiệt hại (Điều 8).

217. Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015 nghiêm cấm cản trở người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can thực hiện quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất, tinh thần và phục hồi danh dự (khoản 3 Điều 14).

218. Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 quy định thẩm phán trong khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình mà gây thiệt hại thì Tòa án nơi thẩm phán thực hiện nhiệm vụ xét xử có trách nhiệm bồi thường và thẩm phán đã gây thiệt hại có trách nhiệm bồi hoàn cho tòa án theo quy định của luật (khoản 6 Điều 76); Hội thẩm trong khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình mà gây thiệt hại thì Tòa án nơi Hội thẩm đó thực hiện nhiệm vụ xét xử phải có trách nhiệm bồi thường và Hội thẩm đã gây thiệt hại có trách nhiệm bồi hoàn cho tòa án theo quy định của pháp luật (khoản 8 Điều 89).

219. Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 quy định cán bộ, công chức, viên chức và người lao động khác của Viện kiểm sát nhân dân phải bồi thường, bồi hoàn thiệt hại gây ra khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật (Điều 59).

220. Luật Công an nhân dân năm 2014 quy định sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân nếu vi phạm kỷ luật, vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại cho sức khỏe, tính mạng của người khác, tài sản hoặc lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân thì phải bồi thường theo quy định pháp luật (Điều 42).

221. Luật thi hành án hình sự năm 2010 quy định người khiếu nại có quyền được khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp đã bị xâm phạm, được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật (khoản 1 Điều 154).

222. Nghị quyết số 96/2015/QH13 ngày 26/6/2015 của Quốc hội về tăng cường các biện pháp phòng, chống oan, sai và bảo đảm bồi thường cho người bị thiệt hại trong hoạt động tố tụng hình sự, trong đó đã chỉ rõ khi đã xác định có oan, sai thì phải kịp thời minh oan cho người bị oan, bồi thường cho người bị

thiệt hại theo quy định pháp luật; xử lý nghiêm minh đối với người mắc sai phạm, xem xét trách nhiệm hoàn trả đối với người thi hành công vụ đã gây ra thiệt hại theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; xử lý trách nhiệm liên đới của người đứng đầu cơ quan gây nên oan, sai, để xảy ra bức cung, dùng nhục hình.

223. Thủ tục giải quyết bồi thường thiệt hại; quyền, nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức bị thiệt hại; kinh phí bồi thường và trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ đã gây ra thiệt hại được quy định cụ thể trong Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật này. Các quy định về bồi thường cho nạn nhân bị tra tấn được thực hiện theo các quy định chung về bồi thường.

224. Việt Nam đã giải quyết bồi thường thiệt hại cho các nạn nhân của các hành vi bức cung, dùng nhục hình, phù hợp với quy định pháp luật. Từ năm 2011 đến năm 2015, thuộc trách nhiệm bồi thường của Viện kiểm sát nhân dân có 03 trường hợp phải bồi thường do hậu quả của hành vi dùng nhục hình với tổng số tiền là 220.260.192 đồng (khoảng 10.476 USD ở thời điểm thực hiện bồi thường).

225. Việt Nam còn triển khai các biện pháp khác, ngoài bồi thường, để phục hồi nhân phẩm của nạn nhân, quyền được an toàn và bảo vệ sức khỏe cho người này, để phòng ngừa việc tái diễn và để giúp đỡ nạn nhân tái hòa nhập cộng đồng như các chương trình xóa đói giảm nghèo, xóa mù chữ, góp phần nâng cao nhận thức, phòng ngừa việc phạm tội, chống tái phạm.

*Các chương trình tái hòa nhập của Việt Nam dành cho các nạn nhân của hành vi tra tấn.*

226. Việt Nam có nhiều chương trình tái hoà nhập cho nạn nhân của các hành vi phạm tội, gồm cả nạn nhân tra tấn, nạn nhân của mua bán người (Quyết định số 17/2007/QĐ-TTg ngày 29/01/2007 về ban hành quy chế tiếp nhận và hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng cho phụ nữ, trẻ em bị buôn bán từ nước ngoài trở về) thông qua hàng trăm chương trình tái hòa nhập của cả trung ương và địa phương như các mô hình Trung tâm tiếp nhận nạn nhân (Ngôi nhà nhân ái tại Lào Cai, Nhà tình thương tại An Giang), Nhóm tự lực (Thanh Hóa, Tây Ninh, Thừa Thiên Huế), Đường dây nóng hỗ trợ, bảo vệ trẻ em và nạn nhân của nạn mua bán người, Câu lạc bộ hỗ trợ nạn nhân bị mua bán (Hải Phòng).

### **Về thực hiện Điều 15**

*Các quy định đảm bảo các thông tin/khai báo là kết quả của tra tấn sẽ không được sử dụng như là bằng chứng trong bất kỳ thủ tục tố tụng nào, trừ khi được*

*sử dụng làm bằng chứng để chống lại một người bị buộc tội đã thực hiện tra tấn*

227. Chứng cứ phải được thu thập đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 và Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (khi Bộ luật này có hiệu lực) thì mới có giá trị chứng minh trong quá trình tố tụng<sup>59</sup>.

228. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định người tiến hành tố tụng không được dùng các biện pháp mớm cung, ép cung khi lấy lời khai, hỏi cung. Pháp luật nghiêm cấm mọi hình thức truy bức, nhục hình trong quá trình điều tra, xét hỏi. Lời nhận tội của bị can, bị cáo chỉ có thể được coi là chứng cứ nếu phù hợp với chứng cứ khác trong vụ án. Tuyệt đối không được dùng lời nhận tội của bị can, bị cáo làm chứng cứ duy nhất để kết tội họ.

229. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định rõ hơn về việc cấm tra tấn trong thu thập chứng cứ: người tiến hành tố tụng không được dùng các biện pháp mớm cung, ép cung khi lấy lời khai, hỏi cung. Pháp luật nghiêm cấm mọi hình thức truy bức, nhục hình trong quá trình điều tra, xét hỏi. Lời nhận tội của bị can, bị cáo chỉ có thể được coi là chứng cứ nếu phù hợp với chứng cứ khác trong vụ án. Tuyệt đối không được dùng lời nhận tội của bị can, bị cáo làm chứng cứ duy nhất để kết tội họ. Bị can, bị cáo không buộc phải chứng minh sự vô tội của mình. Như vậy, pháp luật Việt Nam đã quy định phù hợp với yêu cầu này của Công ước.

#### *Các quy định của pháp luật Việt Nam về chứng cứ trực tiếp và gián tiếp*

230. Trong khoa học pháp lý của Việt Nam, căn cứ vào mối quan hệ giữa chứng cứ với đối tượng cần chứng minh mà phân loại thành chứng cứ trực tiếp và chứng cứ gián tiếp.

- Chứng cứ trực tiếp là chứng cứ trực tiếp xác định một tình tiết của đối tượng cần chứng minh, cho thấy ngay đối tượng cần chứng minh như: sự việc xảy ra có phải là sự việc phạm tội hay không; ai là người thực hiện hành vi phạm tội; có lỗi hay không có lỗi. Thông thường chứng cứ trực tiếp cho biết những nguồn tin quan trọng và cơ bản nhất của hành vi phạm tội. Chứng cứ trực tiếp thường xuất hiện trong các trường hợp phạm tội quả tang, tang vật, lời khai của người bị hại.

- Chứng cứ gián tiếp là chứng cứ không trực tiếp xác định các vấn đề của đối tượng cần chứng minh, nhưng lại kết hợp với các sự kiện, tài liệu khác xác định vấn đề của đối tượng cần chứng minh. Chứng cứ gián tiếp thường phải nằm trong hệ thống chứng cứ và tập hợp nhiều chứng cứ gián tiếp mới cho kết luận về đối tượng cần chứng minh, khi tách riêng các chứng cứ gián tiếp thì

<sup>59</sup> Xem thêm các đoạn từ 120 đến 123

không đưa ra được kết luận. Trong quá trình thu thập chứng cứ, không được bỏ sót chứng cứ gián tiếp.

- Chứng cứ gián tiếp và chứng cứ trực tiếp đều là những nguồn chứng cứ quan trọng trong tố tụng hình sự.

*Một số vụ việc khẳng định chứng cứ là kết quả của tra tấn đã bị hủy bỏ trong quá trình tố tụng.*

231. Ngày 08/7/2013, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sóc Trăng ra quyết định khởi tố vụ án giết người và tiến hành điều tra đối với 7 đối tượng, trong đó có Trần Văn Đở, Thạch Sô Phách và Khâu Sóc<sup>60</sup>. Trong quá trình điều tra, Nguyễn Hoàng Quân và Triệu Tuấn Hưng là điều tra viên đã dùng nhục hình đối với 3 người này để buộc khai nhận có tham gia giết ông Lý Văn Dũng. Sau quá trình điều tra, không có cơ sở để kết luận 3 đối tượng phạm tội giết người. Ngày 21/5/2014, Công an tỉnh Sóc Trăng đã đình chỉ điều tra vụ án và đình chỉ đối với các bị can. Như vậy, các lời khai, chứng cứ thu thập được từ việc dùng nhục hình của các điều tra viên đã bị hủy bỏ và không được sử dụng để buộc tội đối với các nghi can trong vụ án giết ông Lý Văn Dũng. Ngoài ra, một số vụ án khác có chứng cứ là kết quả của hành vi tra tấn đều đã bị hủy bỏ trong quá trình tố tụng.

### **Về thực hiện Điều 16**

*Quy định về ngăn chặn các hành vi đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người khác chưa đến mức bị coi là tra tấn theo quy định tại Điều 1*

232. Pháp luật Việt Nam quy định mọi hành vi vi phạm pháp luật nói chung phải nhanh chóng được xử lý, điều tra và công bằng trong mọi trường hợp. Người có hành vi đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm đều bị trừng phạt. Nhiều hành vi đã bị hình sự hóa trong Bộ luật hình sự Việt Nam như tội làm nhục người khác (Điều 121 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), Điều 155 Bộ luật hình sự năm 2015); tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ (Điều 281 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), Điều 356 Bộ luật hình sự năm 2015); tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ (Điều 282 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), Điều 357 Bộ luật hình sự năm 2015); tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn giam, giữ người trái pháp luật (Điều 303 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), Điều 377 Bộ luật hình sự năm 2015).

---

<sup>60</sup> Xem thêm Phụ lục 11

233. Để phòng ngừa nhân viên thực thi công vụ vi phạm pháp luật, các ngành, các cấp đều có các quy định về quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp và các quy định về xử lý kỷ luật trong trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan, hạ sĩ quan vi phạm pháp luật và vi phạm quy tắc nghề nghiệp<sup>61</sup>.

*Thực trạng của các cơ sở giam giữ.*

234. Quy định về cơ sở giam giữ của Việt Nam hiện nay đã được đề cập tại các đoạn 179, 180 và 181 của Báo cáo.

235. - Về các chế độ giam giữ:

+ Về phân chia nơi giam giữ: pháp luật Việt Nam đã quy định chi tiết về vấn đề này<sup>62</sup>.

+ Về chế độ đối với phạm nhân, chế độ đối với người bị tạm giữ, tạm giam: pháp luật Việt Nam đã quy định chi tiết về vấn đề này<sup>63</sup>.

236. - Về chế độ khám, chữa bệnh:

+ Hiện nay, hầu hết các trại tạm giam do Bộ Công an và Bộ Quốc phòng quản lý đều đã có bệnh xá để khám và điều trị bệnh cho người bị tạm giữ, tạm giam và phạm nhân (Trại tạm giam Chí Hòa Công an thành phố Hồ Chí Minh đã xây dựng Bệnh viện). Các cơ sở y tế trong trại tạm giam đã được đầu tư cả về cơ sở vật chất, nhân lực, phương tiện và dụng cụ y tế, nên đã cơ bản đáp ứng được việc khám và điều trị tại chỗ các bệnh thông thường cho can phạm nhân.

+ Bệnh xá của các trại tạm giam đã thực hiện các quy định của pháp luật về khám, chữa bệnh cho người bị tạm giữ, người tạm giam từ khâu tiếp nhận phát hiện người bệnh, khám điều trị cấp thuốc hoặc chuyển viện, xác nhận sức khoẻ cho phạm nhân đi thi hành án. Công tác vệ sinh phòng dịch được tăng cường, các buồng giam, nhà giam bảo đảm vệ sinh. Các trại tạm giam đã chủ động phối hợp với Trung tâm y tế dự phòng địa phương tổ chức xét nghiệm lao, HIV cho những đối tượng có nguy cơ lây nhiễm cao như: đối tượng nghiện các chất ma tuý, người bán dâm để kịp thời phát hiện để tư vấn và chăm sóc y tế cho họ được tốt hơn. Kết quả trong 15 năm qua không có dịch bệnh xảy ra tại các trại tạm giam, nhà tạm giữ.

+ Đối với lực lượng Công an, đã có 22 địa phương phối hợp với các bệnh viện dân y trong khu vực để xây dựng khu điều trị riêng cho can phạm nhân, 13 đơn vị đã phối hợp với bệnh viện xây dựng buồng riêng để điều trị cho can phạm

---

<sup>61</sup> Xem chi tiết tại các đoạn từ 160 đến 168 và Phụ lục 9

<sup>62</sup> Xem thêm các đoạn 57, 58 và 152

<sup>63</sup> Xem các đoạn 57, 58, 153, 154, 158, 179, 180

nhân. Cán bộ y tế ở các trại giam hiện nay có 796 người; trại tạm giam có 290 người; nhà tạm giữ có 124 người. Các nhà tạm giữ có quy mô giam giữ từ 200 chỗ trở lên đều có buồng y tế tại chỗ để bước đầu sơ cứu trước khi chuyển ra bệnh viện dân y khám và điều trị. Đối với các nhà tạm giữ chưa có buồng y tế, việc sơ cứu do y tế Công an cấp huyện đảm nhiệm.

237. - Buồng hạnh phúc: trong nhiều trại giam do Bộ Công an quản lý có bố trí các “Buồng hạnh phúc”. Theo quy định của Luật thi hành án hình sự năm 2010, Thông tư số 46/2011/TT-BCA ngày 30/6/2011 của Bộ Công an quy định việc phạm nhân gặp thân nhân; nhận, gửi thư, nhận tiền, quà và liên lạc điện thoại với thân nhân và nội quy trại giam thì căn cứ vào kết quả xếp loại cải tạo hàng tháng, mỗi phạm nhân được xếp loại cải tạo từ khá, tốt trở lên, mỗi tháng có thể được gặp gia đình qua đêm tại Buồng hạnh phúc trại giam. Các trại tạm giam đều xây dựng buồng gặp riêng và tạo điều kiện cho luật sư hoặc người bào chữa của bị can, bị cáo được tiếp xúc với bị can, bị cáo theo đúng quy định của pháp luật.

238. - Chất lượng cơ sở giam giữ vẫn còn nhiều bất cập: thiết kế chi tiết các hạng mục trong buồng giam ở các trại tạm giam (hệ thống cánh cửa, chốt khoá, ô chia com, cửa thông gió, ô thoáng trước và sau buồng giam, hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống điện...) còn chưa thực sự bảo đảm. Đối với các nhà tạm giữ cấp huyện do xây dựng theo mẫu thiết kế cũ, số lượng buồng tạm giữ nhiều hơn số lượng buồng tạm giam; do diện tích đất quy hoạch ít, nên các nhà tạm giữ đều thiếu buồng làm việc của luật sư, buồng thăm gặp, nhiều nhà tạm giữ xây dựng đã lâu, xuống cấp, không đảm bảo cho việc thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật đối với người bị tạm giữ, tạm giam ở các nhà tạm giữ.

### PHẦN III

### TÓM TẮT

## PHƯƠNG HƯỚNG THỰC HIỆN CÔNG ƯỚC CỦA VIỆT NAM

239. Để tiếp tục khẳng định là một “Thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế” và một thành viên tích cực của Công ước, trong thời gian tới, Việt Nam tiếp tục triển khai đồng bộ các biện pháp lập pháp, hành chính, tư pháp trong đấu tranh phòng, chống tra tấn, cụ thể như sau:

240. Tăng cường áp dụng và triển khai các biện pháp phòng ngừa hành vi tra tấn trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Trong đó, coi trọng việc áp dụng hiệu quả các biện pháp tố tụng hình sự trong điều tra, truy tố, xét xử người có hành vi tra tấn, bức cung, dùng nhục hình nhằm xử lý nghiêm minh và nhanh chóng; tạo điều kiện cho các luật sư tham gia các hoạt động tố tụng theo quy định pháp luật; triển khai nghiên cứu, thí điểm việc ghi âm, ghi hình có âm thanh trong tố tụng hình sự...; tăng cường giáo dục đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ thực thi công vụ, các cán bộ điều tra, điều tra viên, quản giáo, cán bộ quản lý trại giam, trại tạm giam, cán bộ làm công tác hỗ trợ tư pháp, kiểm sát viên, thẩm phán...

241. Đẩy mạnh hoạt động và nâng cao hiệu quả của các cơ chế giám sát việc thực thi pháp luật và bảo vệ quyền con người ở Việt Nam. Hàng năm, đưa nội dung kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về chống tra tấn đối với các cơ quan và cán bộ thực hiện công quyền, đặc biệt các cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan quản lý thi hành án hình sự, trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ, cơ quan được giao một số nhiệm vụ điều tra như Hải quan, Kiểm lâm, Kiểm ngư, Biên phòng, Cảnh sát biển...

242. Trình Thủ tướng Chính phủ Việt Nam phê duyệt Đề án phổ biến nội dung Công ước và pháp luật Việt Nam về chống tra tấn cho cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân. Khắc phục khó khăn, vướng mắc để tiếp tục tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về nội dung Công ước và các quy định của pháp luật Việt Nam về chống tra tấn cho tất cả các đối tượng tuyên truyền với nội dung và hình thức phù hợp; thúc đẩy công tác phổ biến, tuyên truyền tại các bộ, ngành và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hiện chưa triển khai.

243. Tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện các quy định của pháp luật về chống tra tấn của Việt Nam thông qua các hoạt động:

- Tiến hành sơ kết, tổng kết việc triển khai áp dụng các quy định mới của Hiến

pháp năm 2013 và các bộ luật, luật, pháp lệnh có liên quan của Việt Nam, trong đó, chú trọng việc triển khai áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 sau khi các văn bản pháp luật này có hiệu lực pháp luật để đánh giá một cách toàn diện tính khả thi của các quy định về cấm tra tấn, trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người ở Việt Nam; từ đó, đề xuất việc sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện quy định của pháp luật phù hợp với yêu cầu của Công ước và điều kiện thực tế của Việt Nam.

- Triển khai thi hành Luật điều ước quốc tế năm 2016; sửa đổi, bổ sung toàn diện Luật tương trợ tư pháp năm 2007.

- Tiếp tục đưa nội dung từ chối tương trợ tư pháp về hình sự, dẫn độ hoặc chuyển giao người bị kết án phạt tù nếu có căn cứ cho rằng người đó đã hoặc có thể bị tra tấn là nội dung bắt buộc trong các điều ước quốc tế song phương về cùng vấn đề mà Việt Nam sẽ ký kết với các quốc gia trên thế giới, chú trọng tới các quốc gia cùng là thành viên của Công ước.

- Tiếp tục đưa nội dung “cam kết không tra tấn và sử dụng các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo” trong các yêu cầu dẫn độ và yêu cầu chuyển giao người bị kết án phạt tù của nước ngoài gửi đến Việt Nam và yêu cầu dẫn độ của Việt Nam gửi đến các nước là một nguyên tắc bắt buộc.

- Tiếp tục nghiên cứu và tham khảo kinh nghiệm xây dựng và hoàn thiện pháp luật về chống tra tấn của các quốc gia thành viên Công ước.

244. Xây dựng mô hình trợ giúp đối với nạn nhân bị tra tấn hoặc đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người.

245. Xây dựng Đề án đánh giá về nguyên nhân và điều kiện dẫn đến các hành vi bức cung, dùng nhục hình đã xảy ra ở Việt Nam để tìm ra phương hướng và giải pháp phù hợp (như nguyên nhân để lấy thành tích, do nóng tính, do phản ứng của người bị tạm giữ, tạm giam, bị can, bị cáo....).

246. Mở rộng quan hệ hợp tác với các quốc gia thành viên của Công ước trong hợp tác đấu tranh, phòng chống tra tấn và các tội phạm khác có liên quan đến tra tấn; đồng thời, trao đổi thông tin, kinh nghiệm về tổ chức, thực thi Công ước cũng như thực tiễn các biện pháp, phương tiện và sử dụng trang thiết bị có hiệu quả về phòng, chống tra tấn./.